

Ngộ Không Phí Ngọc Hùng  
(Sưu Tập)

TỪ ĐỒ

Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu  
2014





## Mục Lục

TỬU SU' 002

CÁI NỒI NGỒI TRÊN CÁI CỐC 033

NÓN LÁ ÁO TÔI  
RA QUÁN CHỢ... 063

VÊ BÀI THƠ HỒ TRƯỜNG 094

BÀI THƠ HỒ TRƯỜNG 107

## TỬ U SU

Đó là cái quán cột tre cật, nền đất thô phẳng lì, tường trát bằng bùn trộn trấu, mái nứa đập dập cho khít lại lợp rơm trông cũng thơm tât. Chủ quán là ông phó Canh, là con của một ông đồ nát chữ. Bố ông mượn câu *học kinh bất minh, bất như quy “canh”*, hàm ý là học sách không thông, không bằng về đi cày đặt tên cho ông.

Chuyện là bố ông người miền bẻ, lang bạt kỳ hồ ghé đây thấy vùng đồng bái quê mùa nằm ở thế đất quân ngư với chuôm đầu rồng, gò bút nghiên. Cổng làng có hai cột gạch, có hai câu đối *bình bộ Nghè địa đa thiếu khách* và *vãng lai đạo lý sĩ hiền môn*, nôm na là làng hiếu khách là...kẻ sĩ, tên làng lại là làng Nghè. Thế là bố ông ở lại bẻ chữ kiếm cơm nhưng không đủ vát mũi đút miệng, chỉ vì vùng đất này thắm hoa, băng nhãn đông như tổ đĩa. Rồi thân già vác dùi nặng, tự dung quàng cái ách vào người với cái quán bát nháo trên. Quán ế ảm, bố ông càng thất chí tợn, nốc rượu nhiều hơn khách mong *dục phá sâu*

*thành tu dụng tửu*. Sáng chiều bố ông ôm cái hồ trường nghêu ngao *dữ nhi đồng tiêu vận cổ sâu* hiểu theo nghĩa là...cùng với mày, ta tiêu tán nỗi buồn nghìn năm.

Đột nhiên bố ông đốc chúng đóng cửa tạ khách, ngao du sơn thủy, hết xuân sang hạ, khi xuống núi nghe chim kêu trên cành, lúc lên non ngắm mây đi trên gò. Tối tối đốt mười hai nén hương như thập nhị bát tú, thấp bầy ngọn nến như thất tinh đàn để quần ẩm với bằng hữu, toàn nói chuyện vờn trăng trên nước, mò kim dưới duyênh như Lý Bạch. Chuyện ông Trích Tiên mò trăng dưới nước, rơi tòm xuống sông chết đuối vì rượu ai chẳng hay. Vậy mà bố ông chẳng chịu chừa cho, để ông bây giờ mắc cái nợ nhân gian.

Một ngày lên non cưỡi mây về bố ông bị thổ tả, trống điếm canh tư, biết mình không qua nổi canh đọ. Định phận tại thiên thư, bố ông bò dậy, phều phào trăn trối chỉ xuống dưới gầm trạn, có cái túi bọc da trâu, túm tó bằng dây chão buộc gàu tát nước, ấy là...”*Tửu kinh*”. Đoạn bố ông xoay đầu về cô quận ở hướng đông học máu ra mà quy tiên. *Tửu kinh* là một thi tập rối rắm, đọc miết ông phó Canh mới lờ ngó ra là kinh sách bố ông truyền thụ cách...nâu

*rượu Hồng* xa xưa của đất Quảng quê ông.

\*\*\*

Chẳng an phận với nửa sào vườn trồng trái, cái ao thả cá với mười con vịt, thế là một bữa, trên gò lè lét có mây xanh nắng vàng. Sau cái lễ thọ sơ tuần, vò võ một mình rúc một hơi thuốc lào, lim dim nhìn quán cũ một thời tan theo mây khói, ông bụng bảo dạ rằng phải cơ ngơi lại nghiệp nhà. Đòi cua cua máy, đòi cáy cáy đào, bây giờ đến phiên ông xắn tay áo tay làm hàm nhai. Chẳng qua cũng nhờ cái nghề đóng cối nên nảy ra cái nghề giã giò, giã nem, làm cho lắm tấm cõi truông, danh phận với quán nhà lúc này chỉ là mấy cái móng trâu ninh nhừ.

Quán nằm khuất sau cây đa đứng sừng sững ở góc chợ. Phía trên là dãy núi Con Thần Lăn thấp dần xuống, nên nhìn từ trên cao, chợ như được treo lên...cành đa. Chợ có cả chục túp lều tranh lợp lá, giàn rường cột chống đỡ bằng những thân cây như so đũa phệ phạo. Quán xá có vẻ như khép nép, ngượng nghịu với những chiếc bàn ghé lúc nào cũng như muốn gãy đổ. Qua bao năm tháng, mưa chan nắng dội, đến bình đao khói lửa, chợ làng Nghè vẫn thế. Thế nhưng nếu

cả trấn Kinh Bắc có rượu làng Hoàng Mơ thì trấn Sơn Nam này có rượu làng Nghè, những vai rượu được gạn chắt từ mảnh đời bèo bọt, da diết của bố ông. Qua nghề nhà, ít nhất bố ông cũng để lại đời sau bốn vai rượu gia truyền là *Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu liên, Đông tàn*.

Sống mỗi người một nết, chết mỗi người một tính với *phi tửu đồ bất thành trượng phu, bất tri tửu đạo bất hiền nhân*, rõ ra ông cũng lạm cái giuộc của bố ông là thích quảng giao với những tao nhân mặc khách lắm chữ để náo thị u lâm mặc luận. Nhà cửa đơn chiếc, vậy mà lắm khi ông giữ khách lại qua đêm để nửa vách đèn tàn luận cổ suy kim. Trò đời bao giờ cũng vậy, làm thơ phải có người vịnh, cất rượu ngon như bố con ông thì phải có người thưởng lãm. Cái phiến tâm ông chỉ mong cái ngày được kết nghĩa với một tửu đồ. Đề cả hai sẽ uống cho nghiêng đình đổ quán, uống cho nghiêng trời lệch đất. Đề lúc ấy, ông cũng sẽ vay mượn hai câu của người xưa, ồ ề thổ lộ tâm can với nghĩa huynh, nghĩa đệ rằng *huynh đệ, nễ ngã sinh tư vi cộng, bất uống liễu kết nghĩa nhất trường, tư dã bãi, hoạt dã bãi, đại gia thống thống khóai khóai đích hát tha nhất trường*, rệu rạo qua bố ông là

*sống cũng tốt, chết cũng tốt, nhưng uống rượu thì còn...tốt hơn.*

\*\*\*

Vì vậy như ông đồ thâm, ông phó Canh bày trò treo ngay trên tường gần bếp bức tranh dân gian làng Đông Hồ để chiêu hiền đãi sĩ. Tranh vẽ con gà sống thiến, lông đỏ, đuôi xanh, cổ ngóc lên như đang mổ..”*chữ Dậu*” to đùng gần bằng...con gà nằm ngay góc bức tranh. Ông vẫn nghĩ chòen chọt là thời buổi này từ làng lên huyện, chả ai nhiều chữ hơn bố ông nên biết quái gì chữ đậu. Đi vào văn chữ ông thấy họ chưa có chữ nào gọi là văn cả, chỉ đọc một đám tò he, bét rượu. Có giỏi tới đây độ chữ của bố ông, dấu gì một thời cũng là ông đồ xứ Nghệ nát chữ chứ đâu có bõn.

Chuyện xảy ra đúng vào ngày vía bà Chúa Liễu...Sáng sớm đặng phương đông đã vàng tươi, lướt suốt khoe nắng mới, tuy mặt trời chưa ló rạng, đủ hôm nay nắng phải hừng to. Vô tình, ông dòm về hướng cái gò mả hoang xưa kia già làng gọi là gò quần ngư, ông đoán chừng từ giờ đến trưa, khách trảy hội cũng nườm nượp kéo về bên đò Tràng

làng ông. Chợt ông nghe thấy tiếng mái chèo khua sóng lụp bụp và dòm thấy một chiếc thuyền thúng đang chòng chành...chòng chành...Nặng xiên khoai yếu ớt, sóng lấp lóa, thuyền cập vào mé nước, mạn gốc cây gạo, thóang như một người đã đứng tuổi, lần theo bậc đá, bước xuống bờ nước, dò dẫm đi về phía quán. Bóng người ẩn hiện lấp ló sau gò một chốc, lưng lững xuất hiện lần khuất trong đám mờ mả. Gần hơn nữa, ông mới thấy người nọ đầu quán khăn tam giang bệch bạc, mặc cái áo vải giải đã sờn chỉ gai, chiếc quần trúc bầu gấu sấn cuộn tròn lên mắt cá chân, đi đôi guốc mộc nhuốm đầy bùn đất, tay cầm cái nón “*cổ châu*” đã loang lổ lan tới vành. Ông dòm kỹ hơn, người ấy có vẻ ngang tàng chí khí lắm, trông chả ra dáng là khách làng nho cho mấy...

Và ông nhăm chùng, chạy trời không khỏi nắng ắt hẳn là một...lão nho giả. Hôm nay lần mò tới đây thi thơ, thả chữ trong ngày hội bà Chúa hú họa vớ được giải lụa, kèm ba quan tiền kẽm để trả tiền đò. Nhưng lão lại phe phẩy cái nón *cổ châu* của các quan ở nội phủ mới rõ lạ, hay lão là quan viên trong phủ hội đồng văn Bà Chúa Liễu chi

đây. Để điểm nhãn nho phong sĩ khí của...quan ôn quan vật, ông...giả nho nói chữ với lão: *Quá môn trì, quan môn bé, thỉnh quá khách quá môn*. Lão hừ một cái: “*Quan quách gì. Đang khát nước bỏ bố đây*” rồi sòng sọc bước vào quán không...cửa nẻo. Đã thế ông bưng bả nặn ra một đồng chữ cho sượng miệng: “*Bấm rước quan...sơi nước*”. Lão nhăm nhắng: “*Huộm tí đã*”.

Ve vé mắt một vòng, lão bắt gặp cái chỗ rượu đang âm ỉ ngự trên cái đầu rau. Khấp với cái chỗ là cái ống tre ngang để vắt rượu, từng giọt âm ỉ chảy xuống cái tĩn nằm trên mặt đất phẳng lì. Ấy là rượu Hồng đào ông cất bằng gạo tẻ như rượu trắng cho khách vãng lai. Lão nho giả dăm dăm ngó chừng bốn cái vại sành đậy nút chuối khô bày một hàng trên cái ghé dài. Lão gật gà gật guồng với bức tranh Gà với chú Dậu trong giây lát rồi cười đánh hặc một cái. Ông dòm thấy ngứa cả mắt, ruột gan muốn lộn từng phèo. Chả hiểu trời đêm thánh đục sao, lão phủ tay, lững thững đi đến cái nôi, quẹt ngón tay một đường như con giun. Lão ngắm bức tranh, đắn đo cả một hồi lâu, như có gì suy nghĩ lung lăm. Rất nheo mắt,

đưa ngón tay nhỏ nòi lên từ từ, không phải quẹt cái rọc, mà rất ư cẩn trọng...

Chấm vào chữ Đậu một chấm nhỏ bằng...hạt thóc.

Ông ngó ra vì chữ “đậu”, thêm cái chấm thành ra chữ “tửu”. Không quay lại, lão nói trống không...vào mấy vại rượu: “*Ngon chăng, nhà bác cho một nậm*”. Ông khựng lại, ngặt một nỗi, tay cầm vại Xuân Sinh, cái đầu đất sét lại đoán già đoán non, ngữ này người ngợm nhếch nhác, lại ra dáng lừng khừng, ắt hẳn chẳng phải là tửu đồ. Thế nhưng ít nhất lão ấy cũng chiết tự được chữ tửu ở chữ đậu mà ra, hay lão là cố nhân một thời của bố ông. Vậy thì hãy để lão ấy dùng tạm vại Hạ Trường còn non tháng, xem tửu lượng của lão tới đâu rồi hẵng tính.

Cái vại nâu còn dính bùn khô vừa đặt lên trông...Lão chậm rãi cầm cái bát chiết yêu úp ngược trên ngọn đèn hột đỗ đảo qua đảo lại hơ cái lòng bát. Lão hờ hững rót ngang miệng bát và đợi cho láng rượu sáng sánh lắng xuống một chút. Lão lâm râm: “*Vội năm, vội tháng, ai lại vội ngày. Bác có gì nhắm đây?*”. Đi vào để hâm lại cái móng trâu, cúi xuống hun lửa, ông vờ vắn đến hôm

nay có chọi trâu, thế nào quán nhà cũng thừa được nhăm cái, quán sẽ đắt như rươi. Ông vẫn vợ đến sáng sớm mở hàng, gặp lão khách lạ ông cũng hơi có ý hồ nghi: “*Quái, tửu đồ là đây phỏng*”. Bước ra ông ngồi ngay trước mặt lão và nhắc khéo: “*Xin mời quan bát rươi...lạt*”.

\*\*\*

Lúc này lão mới lười biếng bê cái bát lên, cũng không chịu nháp cho một ngụm nhỏ, mà chỉ khà một cái và chậm rãi:

- Với mỹ tửu của nhà bác phải học thói tri kỳ vị, tri kỳ hương, tri kỳ ảo, tri kỳ linh. Nên dùng mắt nếm được vị ngon của rươi. Dùng tai nghe được hương thơm của rươi. Dùng mũi ngửi được sắc thái của rươi. Còn như đã phải dùng lưỡi để uống thì là thói thường của hàng tục tửu đầy thôi.

Nghe luận về rươi nhà, ông rủa thầm, cái lão rách mép này rõ rách chuyện, chả ai...nghe được hương thơm bao giờ. Ông định gân cổ lên thì bu nó ơ: Lão ấy hát cả bát rươi gia truyền của nhà ông xuống đất. Ngay chỗ...đàn kiến đang bò lổm ngổm đi kiếm gạo. Giời ạ, lũ kiến hốt hoảng bơi nhào nhào

bò lên mép đất khô, nằm chổng gọng lầy càng vuốt mặt, vuốt mũi rồi lăn cu đờ ra, chả biết trời trăng mây nước gì sát cả.

Bây giờ lão mới thốt lên một tiếng nhỏ:

- Chà, hơi gắt...Có hơi già lửa!

Ông phó Canh sợ vãi đáí ra quần vì ngẫm thấy cụ cũng rành về rượu chẳng khác gì bố ông, nên ông vừa định...thì cụ đã khoát tay:

- Tôi hỏi khí không phải, nhà bác cất rượu với gạo ta...

Ông phó Canh lập cập:

- Chẳng dẫu gì...cụ, năm nay vụ Chiêm dưới này bị úng thủy...

Ông quên bu mắt nè lão *quan* gọi bằng *cụ*, chả là trong đầu ông cứ bị ám ảnh cụ là người sành rượu, lắm chữ. Ông không dám khoe mẽ rượu nhà mọi khi ủ toàn nếp Chiêm tháng mười, bã rượu phải chũ trong vại gốm làng Thổ Hà để men giữ lâu ngày, thả xuống ao cả năm cho mát rượu.

Ông ngập ngừng thăm chừng:

- Bấm cụ quý quán ở đâu ta.

Cụ già cười nửa miệng:

- Tôi người làng Ngừ.

Ngừ với nghề, ông đơm chuyện:

- Nhà cháu nghe hơi nôi chỗ quý quán có thờ hai con cú, con cáo bằng đá đã thành tinh, nên chúng có thể biến thành người. Đêm mưa gió, chúng hóa thành một lão già đội nón rách, mặc áo toi như một người hành khất.

Cụ cau mày:

- Hừm...Rõ nhảm.

Thị hàm vừa cữ vớt lên đĩa, cụ lấy đũa thọc xuyên ngang cái móng và đưa lên miệng cắn từng miếng nhỏ. Cụ thảnh thơi kể lể:

- Là thế này....làng tôi thì ai mà chả biết có lăng Ngừ thờ Thái sư Trần Thủ Độ. Trước lăng là hai bức tượng người nữ Chiêm Thành châu hầu, giữa là mộ của Thái sư. Sau mộ có bày dụng cụ sàng sậy lúa gạo là dầm, sàng, nong, nia làm bằng đá tròn, dẹt. Lại có bi ký và bi đình tựa kiêu tam mục, rõ ra văn chỉ khoa mục...

Gặm xong cái móng trâu, cụ ôn tồn tiếp:

- Từ ngôi mộ ngó ra phía gốc cây cổ thụ cả trăm năm có con cú to bằng con ngỗng lớn, con cáo to bằng cả con bê. Tất cả cú, cáo, dầm, sàng, nong, nia đều được dân làng gọi bằng “Ông”.

Ông cáo nằm đối diện với ông cú, có vẻ đấng đỗi và tri kỷ lắm, còn để làm gì thì chỉ có giờ biết. Chỉ biết rằng...

Ông phó Canh láo nháo chêm vào:

- Chả ai lại đi thờ cáo với cú...

Cụ thờ ra, gắt nhẹ:

- Úi dào...Nhu ông biết đây, ngặt một nỗi tai trời ách đất ngập nước quanh năm, chỉ trông được lúa của người Chiêm. Hai tượng Chiêm Thành và dân, sàng, nong, nia để trấn yểm mùa màng. Ấy là tôi học có bấy nhiêu...

Cụ lần lữa tiếp:

- Cũng chuyện trấn yểm nghe già làng kể có một cái mả, gặp lúc bãi lở, quan tài bật lên, trong có bốn cái lọ cổ gấn ở bốn góc. Theo truyền thuyết xưa kia có một thầy Tàu qua đây tróc huyết mắc nạn và được ông Trần Lý, tức ông tổ họ nhà Trần đất Tức Mặc cứu thoát. Ông thầy đền ơn bằng ngôi mộ thái đường, huyết để vương trường tồn vạn đại. Xong thầy cáo biệt, hẹn khi nào nhà Trần tức vị, con cháu sẽ qua uống rượu mừng...

Trần Cảnh lên ngôi vua, con cháu ông thầy Tàu y lời qua. Quan Thái su

tiếp đãi trọng thể, ban tặng vàng bạc, nhưng trên đường về Ngải cho người chặn đường giết để cướp bộ phong thủy địa chí. Vì như trên vừa đề cập, vì lụt lội nên quan tài trong huyết để vương lộ ra. Nên Ngải mượn tập kỳ thư dị chí mà họ mang theo để đọc. Đọc xong rồi, Ngải lo ngại nhà Trần có cơ chẳng thể truyền tử lưu tôn đời đời kế thế vì ông thầy Tàu ghi chú trong bộ phong thủy địa chí nên cẩn trọng vì có *phản tặc* trong triều...

Cụ nhờ nha thêm:

- Cứ theo quan nha ra thưởng cho hay qua tập kỳ thư dị chí thì chữ ám chỉ giòng họ tên phản tặc từ chữ “khẩu” mà ra. Vì thời gian với nét còn nét mất, nếu có hai nét sỏ ngang là “âm” tức *uống*, là “tửu đồ” thì chả nói làm gì. Nay còn lại lơ mờ với một nét ngang như cái đũa, chiết tự thành “thực” tức *ăn*, là “khất thực” nên tôi cứ bán tín bán nghi.

Trở ngang đầu đũa, quẹt quanh mép, cụ đưa đây:

- Theo tôi thì chữ Trần, người Tàu đọc là “chén”. Nên tôi đồ là...một tửu đồ chẳng. Thế nên bấy lâu nay tôi có ý đi tìm...

Ông phó Canh bộp chộp:

- Hóa ra cụ...

Giọng cụ đầy hóm hình:

- Nhà bác cứ nghĩ thế...Tôi chẳng đại lưu xú vạn niên vì mười mẫu thượng điền của quan Thái Sư đâu.

Vậy ra cụ cũng như ông, cũng đang mõi mắt đi tìm một bạn rượu đây. Rồi ông nghe cụ rung đùi ngâm nga đúng tâm ý ông: *tuế nguyệt du nhàn, tứ hải tao phùng thanh nhãn khách*. Nhưng ông có hơi sốt ruột tí chút, người ta thì trà tam tửu tứ, vậy mà cụ này độc có một bát rượu thôi mà...nhấp mãi cũng không ra cái hồn người, mà chỉ thấy nói chữ. Ông sinh nghi, hay cụ chẳng phải là một tửu đồ. Nên ông thăm chừng:

- Mời cụ soi bát nữa.

Cụ phe phẩy cái nón, gật gù:

- Rượu tri kỳ hương chứ bất tri kỳ vị. Thêm nữa *tửu vô lượng, bất cập loạn*, loạn ngôn thì chẳng thua Lồ Phôn tửu đâu. Nhà bác khéo tay cả đấy.

\*\*\*

Cả hai vui chuyện vui trò, quên tiệt đi mất là không đất trồng ngoài kia bàn dân thiên hạ đang lũ lượt kéo

về họp chợ. Các ông với khăn sếp áo the, tay cầm ô nháo nhác đây đó. Các bà mặc váy lĩnh, lưng thắt ruột tượng, bã trầu đỏ thắm cắn răng, chuyện trò râm ran. Ấy vậy mà bên kia bãi đất trống đã rộn ràng tiếng trống ròn rã. Nhóm đánh cờ người trên phủ huyện kéo về. Trên bục cao, ông tổng cờ ngồi bên án thư cầm trịch cho 32 quân cờ nữ áo hồng, nam áo xanh. Ở trong này, ông vừa khoe trận đồ năm nay cụ Nghè làng Mộ Trạch làm tổng trịch thì nghe cụ như reo lên như ầm nước sôi:

- Úi dào, *rượu Hoàng Mơ, cờ Mộ Trạch*.

Đây cái bát chiếu yêu sang một bên, cụ mở lời:

- Có đám Mộ Trạch, kéo theo đám Hoàng Mơ về đây. Không chừng tôi với nhà bác có cái túc duyên vừa gặp được một kỳ tửu bất thế kỳ nhân cho mà xem. Thế nào họ chẳng nếm rượu của nhà bác. Mà nào họ đâu có hay: Đất nhà bác là đất tửu địa. Cứ nhìn cái ao nhà thì biết ngay. Như cái...

Nghe nói vậy, ông nháo nhác ra ngoài ao, chữa nhận thấy ao nhà ra cái giống gì thì ông bắt gặp một con chó...què. Nó đi bằng ba chân khập

khiêng từ ngoài bước một vào quán, và ngừng lại nằm dưới chân ghé hử hử. Cụ cũng lỗ mắt nom xuống và hỏi:

- Chó bác ư?

Ông chung hứng, lắc đầu quây quây:

- Bẩm... Dạ... Không... Mà có gì lạ thưa cụ.

Cụ lom khom ngắm nghía, giọng rồn rảng:

- Giống “*Bói kiếm cầu*” đây. Trên lưng nó có dải lông kéo từ đầu đến đuôi như một cây kiếm, tạo cho uy quyền sinh sát cho chủ nó, như thái sư hay tể tướng chẳng hạn. Chả nhẽ...

Cụ âm ừ:

- Thọt thấy giải đất như cái lưỡi kiếm. Nay nhìn ao nhà bác, nào khác gì cái hồ lô. Giống như sách dạy và gọi là “*Tửu địa*”.

Rồi cụ tặc lưỡi bâng quơ:

- Tam nhật nhất tiểu điểm.

Ông áp ứng hỏi:

- Tam... tam... là tích gì, thưa cụ.

Giọng cụ nhỏ hẩn đi:

- Theo “*Cầu kinh*” là chó cực hiếm.

Nếu nó một chân...

Lại chuyện ngược đời nữa, ông như nhảy cẫng... hai chân lên:

- Cụ cứ nói bõn, chó gì lại...

Cụ lại cười đánh hặc một tiếng:

- Ấy là tôi muốn nói lúc nó gác một cẳng lên gốc cây để bài tiết. Nó chỉ đái đúng ở một điểm ấy mà thôi. Chỗ nó đái là cái huyết cực tốt, sách gọi là huyết cầu thủy, nhưng phải đợi nó chết cơ. Đúng giờ tuất ngày tuất, mang xương bố mà táng vào đấy thì mai kia chúa biết mặt vua biết tên. Nhưng chỉ truyền được đúng một đời không hơn, vì tuổi chó quá ngắn.

Quái lạ, ông nhủ thầm, quân tử ẩn hình, tiểu nhân lộ tướng, mà cụ này lại...quái tướng dị nhân. Thế nên ông chả hiểu ra làm sao cả, ông chắc mẫm chém chết cụ này là thầy địa lý đây. Mà mấy thầy địa lý chỉ được cái giỏi nói chữ và xoay ba cái đầu rau để ăn vạ nhà người ta. Nhỡ cụ ăn vạ nằm ì ở quán như bạn bố ông thì bỏ bố. Ông xoay qua chuyện rượu:

- Sao cụ biết có kỳ tử tới đây.

Cụ vuốt râu khề khà:

- Theo "*Truyền nhân kỳ tử địa*", giống chó này xuất hiện tất có kỳ tử.

Cụ điềm đạ tiếp:

- Tôi đi đã nhiều nơi, uống mẻ bát thiên hạ, mà chẳng thấy đâu. Nay có cơ

may gặp bậc kỳ tử ở đây thì đó là cái túc duyên.

Ngừng lại một lát, cụ nói chữ:.

- *Thành giả, vật chi chung thủy, bất thành vô vật*, nhà bác có lòng thành, lại có hảo tử. Rồi cũng sẽ gặp...

\*\*\*

Ông đứng dậy vì có dăm khách phương xa mới tới, vừa tiếp khách ông vừa nhủ thầm, bản địa nhà ông là đất vạn đại dung thân cho những đại tử đồ. Đất quàn hùng của các danh tử. Mùa hội làng này họ sẽ kéo về đây để đấu rượu. Họ sẽ uống cho nghiêng đình đồ quán, uống cho nghiêng trời lệch đất. Rượu sẽ đổ ngập sông, tràn ngang núi. Tử khí ngất trời, mây không có chỗ ẩn thân. Âm khí thổi đất, cỏ ba niên chẳng góc đầu lên nổi cùng kẻ còn người mất. Vì vậy ông nhìn ai cũng là đại tử đồ. Như cụ đã dậy, đất nhà là đất tử địa, với địa linh nhân kiệt, vì vậy ông đang lóng ngóng đợi một kỳ tử bất thế kỳ nhân sẽ lừng lững đến quán ông đấu rượu.

Vừa bước ra, ông bắt gặp một lão ăn mày mù đang ngồi bệt ngoài hiên tự lúc nào. Ông thoáng lạnh người, vì cụ

vừa nhắc đến...khất thực hồi nãy thì lão ăn mày này có mặt. Bất giác ông thuôn người nghĩ ngợi mông lung...

Rằng từ đời Trần lên đến giờ, đất này là đất văn học, rất chẳng có ăn mày, họa chẳng làng Ngọc Động có ông Nguyễn Phúc. Xưa kia ông ăn xin ngoài chợ huyện, nhưng có chí học hành nên cũng lều chõng đi thi Đình. Nhưng chỉ đỗ thám hoa, nên không có mũ áo cân đai. Hay vì ông là khất thực, nên chẳng được dân làng trọng vọng mang ô che lọng chần ra đón rước. Nên ông chui vào đình làng có cái đà ngang nghênh phong chiếu thủy và treo cổ tự tử...Có thổ thần sợ tại làm chứng, ông thề rằng sau ông: Làng này chẳng một ai đỗ Thám Hoa nữa, mà chỉ có nước đi ăn mày.

Ông phó Canh lần nữa tiếp, rằng ông ăn mày họ Nguyễn nay đã mồ yên mả đẹp, lại là Thành Hoàng làng Ngọc Động, thì giữa ban ngày ban mặt hẻo lánh tới quán ông đề nhất ai đây. Sau khi ông thám hoa mất, chỗ lều ông ở được đắp cao, xây tường chung quanh và gọi là “nền Phúc”. Vua Trần sắc phong ông là: *Đương cảnh thần hoàng, tuyên võ tướng quân, thượng kỳ đô úy, hùng dũng anh linh, thông minh chính trực, gia phong quang ý, gia tằng trác vỳ, dực bảo trung hưng thượng đẳng thần.*

Nhưng gần đây làng bày thêm lệ mới, tráng đinh đến tuổi phải nộp cheo, dù nhà cao cửa rộng cách mấy cũng tay gậy tay bị đi xin ăn mang lộc về cúng ông Thần Hoàng. Và trong đầu ông thì lão ăn mày đang ngồi ngoài kia, chém chét cũng là dân làng ấy mà ông đã nghe kể qua. Vừa nghĩ đến đây thì đám bạn rượu họ kéo nhau đứng thù lù sau lưng ông. Đột nhiên ông khựng lại vì búa vào mặt ông là lão ăn mày này với cái tai có thành, có quách như tai Phật. Vậy mà lại đi ăn mày...Chợt nhớ chữ tắc đánh chữ tội của cụ với một nét sỏ toẹt như cái đũa, hóa thành “thực”, là “khất thực. Hay là lão...Cái đầu ông lại lằng quằng với cái kim nằm trong bọc lâu ngày cũng lòi ra. Chả lẽ lão là...tửu đồ. Mà mù sao biết uống rượu đây, hả giới. Nào ai biết ma ăn cỗ đây, tiện tay ông nhón bát rượu cụ ơ hờ không uống hồi nãy. Ông nhướng mắt thăm chừng, cụ gật gật cái đầu...Ông quơ cái bát mang đến cho lão ăn mày. Lão ngửa cổ lên nghe ngóng, chẳng buồn thò tay rớ tới. Bực mình quay về bàn ông lâu bầu: “*Mù có khác, ăn mày còn đòi xôi gấc*”.

Bỗng cụ nhíu mày, xuống giọng thật nhỏ, vừa đủ cho ông nghe: “*Cung nhi vô lễ tất lao*”. Cụ lại sì sầm: “*Hảo bằng hữu phải thết bằng hảo tửu*”. Ngu

lâu đàn dai cách mấy ông hiểu ngay là cung kính nhưng thiếu lễ cũng sỗ toẹt và nhòm cụ. Cụ vỗ tay nhẹ ngang giải rút quần, chõ cái ruột tượng, nghe lạch cạch mấy quan tiền kềm chạm vào nhau...Hiểu ý cụ có hơi rùng rình, ông quay vào vợ vại Xuân Sinh với cái bát chiết yêu. Cái đầu ông ngọ nguậy vì ông thương bố ông, rõ ra cơ ngơi nhà ông đã đến hồi mặt vận. Đúng là ăn mày đánh đổ cầu ao, gia cang còn mỗi vại Xuân sinh này mà để lão kia...soi. Thế nên ông ửng oảng văng tục với...cái vại rượu: “*Mả bố mày nhá!*”. Ông lẳng lặng để bên lão và không quên hích vào đùi lão một cái...

\*\*\*

Lão đổi thế ngồi, an nhiên tự tại thế kiết già. Lúc này mới lặng lờ mở cái bị, lôi ra cái chiếu con con và một cái bát giống như bát ăn cơm. Ông ngong trông thấy, vì đời thuở nhà ai đi ăn xin còn bê cả bát theo. Nói cho ngay, ấy là cái chén thổ mới hóc. Cái chén thổ này vào thuở nhà Tống, trước dùng để uống rượu, sau vì...tửu lạc vong bản nên để...uống trà.

Chưa hết, lão thổi vi vu vào lòng chén, tần mẩn lấy vạt áo lau từ trong ra

ngoài. Lão để cái thố lên cái chiếu con, bê hũ rượu ngang tầm, dùng răng cắn nhẹ nhàng lôi tuột cái nút lá chuối ra. Ông ngẩn ngơ, vì với cái nút ấy, ông phải cong lưng nhét vào để gì mà lấy ra nhẹ hều như thế. Vẫn chưa xong, lão nghiêng cổ vai ngang vai và từ từ chuyên rượu xuống cái chén. Ông lão ngáo, vì chẳng thấy một giọt nào vung vãi ra ngoài. Ủa mà lạ một điều nữa là, cứ nhè tay nghề như ông mà đổ rượu như thế là thể nào cùng có tiếng tong tong như mưa rơi ấy thôi. Vậy mà lão rót không một tiếng động, ngay cả bọt tăm bằng mắt con rạm cũng không nốt. Quái thật.

Lão lặng lẽ cúi gập lưng xuống, cái đầu gần sát đất. Với mười ngón tay, lão từ tốn đưa cái chén thố lên... Ông bụng bảo dạ, cái ngữ này to hơn quả bứa gì cho cam, mà phải khúm núm bằng cả hai tay đến rõ khổ. Ấy vậy mà lão chưa nốc ngay, lão nghênh tai nghe ngóng động tĩnh trên không... Hêu hêu trên ngọn cây gạo bên kia bìa trắng có ổ chim cú đã về tổ từ lâu, tứ bề im ắng. Ngoài tiếng cuốc kêu xa xa, chơ vơ như mũi đinh thịch nhẹ vào thỉnh không bàng bạc. Tĩnh lặng. Mắt lão háp háy

lặng lờ nhìn ra ngoài cánh đồng trống  
xâm xấp những nước là nước, dưới  
chân núi lắm thâm hơi sương trườn mặt  
đất từ cửa rừng bò ra cánh  
đồng... Chẳng hiểu nghĩ ngợi gì, như có  
gì u mặc lăm, lão chậm chạp đặt cái  
chén xuống.

Ông chột dạ, hay lão chê rượu  
xuân, hạ, thu, đông nhà ông.

Như không biết mọi người đang  
hom hom nhòm, lão sửa lại thế ngồi  
cho ngay ngắn, vuốt lại cái nếp quần  
thô mà lúc này ông mừng tượng ra tấm  
nâu sòng...Lão nhỏ nước bọt vào hai  
lòng bàn tay, xoa xoa vào nhau như bắt  
ấn. Lão đĩnh đạc bung cái chén lên,  
cũng với hai tay cùng vẫn từng ấy động  
tác như dâng hương khăn sớ. Gắn đến  
cằm, tay này chuyển cái chén thố lên  
lòng bàn tay kia. Tay còn lại đưa xuống  
mu bàn tay có cái chén. Tất cả những  
động tác ấy nom thật nhẹ nhàng đến  
gần như quen thuộc của một tay sành  
rượu lão đời. Vậy mà lão vẫn chẳng  
chịu ực ngay, mắt cứ chăm chăm vào  
mặt rượu gần như không sáng sủa,  
ngay cả một gợn sóng nhẹ tênh cũng  
không. Ông phân vân, cái chén có gì  
mà sẫm soi, mà giời ạ, lão thì...thong

manh rõ. Nhưng ông ngắm kỹ, lão ấy chẳng ra dáng một người hành khất mà phong thái thoát tục như sư cụ chùa làng.

Lão chậm rãi đưa ngang mũi, cái yết hầu cứ thụt lên, thụt xuống. Rất nhàn nhã, thông dong với mõ sớm chuông chiều. Trong lắng đọng, lão thở ra và hít vào một hơi thật ngắn, thật nhẹ. Thế rồi mắt lão cứ hấp háy lim dim. Mắt cứ đờ ra. Miệng mấp máy như lâm râm tụng kinh. Được mấy khắc, lão thành thoi đặt cái chén xuống... Mọi người ngẩng ngẩng với nhau. Riêng cụ thì không... Như lễ nghi kinh kệ đã hoàn tất, lão cuốn cái chiếu bỏ vào bị, bình thản đứng lên, nài bố quàng vai, khật khờ đi về phía ruộng nước và đằng sau là con chó đang lò cò nhẩy bước một với ba cái chân. Cả hai hướng về cái gò mà mà hôm nay ông thấy có một cái dáng khác hơn mọi lần, hình dạng cái gò giống như một con nhái khùynh chân ôm cái bến đò.

Thế nhưng cái bát thì lão để quên!

Lão khuất sau mấy cái mả hoang, trơ trơ một quăng trống lộng gió cần cỗi, một thóng chiều còn sót lại, ngày

như tất ngúm, mở ngảng thoát ra trắng hoang vu. Ông thấy hồn ông nhao nhác, giữa đồng không mông quạnh, như có tiếng sáo diều. Mà nào có. Chỉ thoáng như có tiếng đồng dao văng vẳng nghêu ngao từ...lão với tiếng còn tiếng mất vẳng lại: “*Hề...! Tửu nhân...hề tửu nhân*”. Mà không lẽ, nhìn qua cụ, như tự kỷ ám thị, ông thấy cụ đang nhóp nhép như nhai mấy hạt lạc rang dở dang. Miệng như cụ mấp máy: “*Hề...! Tức Mặc tửu nhân khứ vô hồi*”. Trộn lẫn và đứt quãng, nên thực tình ông không biết là ai cất tiếng tiếp...: “*Hề...! Vấn ngã tại hà liên giao hợp - Hề...! Lộ phồn tửu. Hề tửu nhân bôi*”.

\*\*\*

Bóng lão ăn mày khuất dần, lúc này cụ mới lên tiếng:

- Này nhìn cho kỹ kìa...Áy đấy, lão đi trước, con chó lò dò đi sau thì mù ở cái chỗ nào, thưa mấy bác.

Cụ chỉ vào cái bát, thông thả tiếp:

- Nhẫn như đít nồi, bác nào rồi hơi cứ thử thì hăng hay.

Nhẫn như đít nồi... ông phó Canh nhủ thầm, gì mà lạ, rõ như ban ngày ban mặt bát rượu còn nguyên kia, ai đời chó lại chê cứt. Ông hết nhìn cụ, tới

đám khách, đến cái bát. Lúc này cụ mới lừng khừng nói với ông:

- Như tôi đã mạn phép thưa, đến lúc nhà bác cũng gặp thôi.

Cụ phe phẩy cái nón:

- Đó là phép “*Hấp tửu srong*”.

Ông đi lại quơ cái vò Xuân Sinh và mở nút để xem nếp tẻ ra sao. Ông nhăn mặt phun phè phè ra ngay, vì rượu lạnh tanh như nước ốc. Mà lạ chữa, vại rượu còn bùn khô đất bám, ẩn hiện như lão hành khát quẹt nét ngang sổ dọc bằng móng tay thật sắc nét, nét hai chữ thảo...*Hảo tửu*. Bán tín bán nghi, ông cầm cái bát lên, cũng...hít hà như lão ăn mày, và đúng như cụ nói, ông chẳng ngửi thấy mùi rượu gì cả, lật thìa như nước ruộng. Lật ngửa cái chôn, có ấn dấu triện đỏ nâu với hàng chữ *Thiên Trường phủ chế*. Quanh men chén có hai câu thơ thủy mặc *Vị thủy đầu can nhật, kỳ sơn nhập mộng thần*. Ông dẫn đo, đồ Nội Phủ này dường như quen quen, như mới đâu đây, nhớ lại hồi nhỏ ông theo bố ông hầu rượu quan Thái Sư, hình như ông đã thấy cái chén ấy...Trong một thoáng...

Thoáng như cụ đây có nét thanh cảnh như...Ngài Thái sư.

Quay lại để nhìn cho kỹ thì...cụ không còn đây nữa. Cụ đột nhiên biến mất, như mây trôi gió thoảng tan loãng vào hư không. Quanh chỗ cụ đứng, chỉ thấy trời đất trầm tiêm, đủng đỉnh muôn niên ngót hoành cổ đại. Mặc dù Ngài Thái sư Trần Thủ Độ về với thiên cổ đầu đó vào cái năm Ất Dậu ngày nào. Ông như đang đắm chìm trong ruộng, núi, rừng dạt dào một nỗi quan hoài, quan san của người về từ một cõi u minh, u tịch...Thần thờ hướng ra bên bãi, về phía cái gò mả, chỉ thấy tha ma mộ địa với đám cỏ gà hiu hắt, vi vu chạy từng gợn, từng gợn đuổi bắt nhau. Chung quanh lấm mây mù, lờn vờn chất ra một thứ váng chiều ướt sũng, sền sệt như nước hên. Nhìn về phía bên đò chỗ cây gạo, cái thuyền thúng chơ vơ, cái mái chèo gác một bên gờ và đang...chòng chành...chòng chành...trên sóng nước.

Chỗ cụ ngồi, như có vật gì được chặn dưới cái bát chiết yêu, ông vội rảo bước tới thì...Bố mẹ ơi, ngoài dăm đồng tiền kẽm, lỗ vuông...Ông thấy một nắm giấy bèo nhèo như giấy vàng mã để hóa vàng, như trong ngày lễ phủ hội đồng văn Bà Chúa Liễu. Ông cảm lên thấy tiền in ấn hình long vân, long

giáng, thủy ba, tản vân. Ông xăm xúi đọc bốn chữ công *Thiên Trường thông bảo* dưới là niên hiệu Mậu Thìn thời tiên vương Trần Minh Tông.

Nhìn vào quán nhà, ông thấy khách lậm rượu mỗi lúc một đông. Họ đang lên cơn đồng thiếp, họ đang nhập vai *phi tửu đồ bất thành trượng phu, bất tri tửu đạo bất hiền nhân*. Ông ngửa mặt nhìn lên bầu trời, đất với trời vẫn u ám như chậu nước gạo đục, mây xám mỏng như bánh tráng trứng...

*Nguồn: Nguyễn Bản, Chu Thiên, Phạm Lưu Vũ, Băng Đình, Nguyễn Hữu Liêm, Nguyễn Bá, Độc Cô, Đặng Thân, Bàn Tài Cán, Đào Vũ Hòai.*

\*\*\*

**Phụ đính:**

Nhiều người vẫn lầm tưởng rằng tiền giấy đầu tiên của nước ta được in ấn, phát hành dưới triều Hồ. Cho đến khi trong một văn bản sử học, Trần Khánh Dư có nói một câu: “Tiền giấy đời Trần ta ...”. Sau đây, người ta tìm ra thời điểm ra đời của những tiền giấy đầu tiên này sớm hơn. Trước khi *triều Hồ* thành lập, người có ý tưởng là Vương Nhữ Chu vào cuối năm Mậu Thìn (1388), Tư liệu về Vương Nhữ Chu không nhiều nên đến nay chúng ta vẫn chưa thể biết được chính xác quê quán, năm sinh năm mất và chi tiết về cuộc đời cũng như sự nghiệp của ông là được vờ ra làm quan, giữ chức Thái bảo. Ông đã dùng tiền giấy thay cho tiền đồng chứ không phải là Hồ Quý Ly.



Tiền “Hội sao thông bảo” do một nhà sưu tầm vẽ lại.

Cho mãi đến năm 1396 tức 8 năm sau :

"Mùa hạ tháng 4, Hồ Quý Ly mới bắt đầu phát tiền giấy *Thông Bảo hội sao*. In xong ra lệnh cho người đến đổi, cứ một quan tiền đồng đổi lấy 1 quan 2 tiền giấy. Thê thức tiền giấy: tờ 10 đồng vẽ rồng, tờ 30 đồng vẽ sóng, tờ 1 tiền vẽ mây, tờ 2 tiền vẽ rùa, tờ 3 tiền vẽ lân, tờ 1 quan vẽ rồng. Kẻ làm tiền giả bị tội chết, ruộng đất tài sản bị tịch thu. Cấm tuyệt tiền đồng, không được chứa lén, tiêu vụng, tất cả thu hết về kho Ngao Trì ở kinh thành và trị sở các xứ. Kẻ nào vi phạm cũng bị trị tội như làm tiền giả".

Tiền phát hành có hai yếu tố mới: tiền không ghi niên hiệu vua. Đây là một hình thức khai tử niên hiệu của triều đại Trần, chuẩn bị cho một triều đại mới. Tiền giấy sẽ góp phần giúp cho nhà Hồ thu về số lượng đồng lớn dùng để đúc vũ khí, đặc biệt là súng thân công, một loại binh khí mới được ra đời trong thời gian này. Chính vì thế, tiền giấy được nhà Hồ phát huy hiệu quả triệt để thời gian khi cầm quyền.

Cho đến nay, chúng ta chưa tìm được đồng

tiền giấy nào cho nên chưa rõ kỹ thuật in ấn, cách thể hiện hình vẽ mà chỉ biết được qua ghi chép trong lịch sử. Nhưng những hiện vật thời Trần tìm được qua các cuộc khai quật khảo cổ học như hình rồng, thủy ba (sóng nước), tản vân (vân mây) khắc tạc trên các bệ đá thời Trần đã phần nào cho biết sự phức tạp của các họa tiết trang trí trên đồng tiền này. Tiền giấy cũng cho thấy, nghề sản xuất giấy có sự phát triển đặc biệt với kỹ thuật sản xuất ra loại giấy để in tiền.

## CÁI NỘI NGÒI TRÊN CÁI CỐC

Qua những giao tiếp gần đây, tôi thường gặp nhiều “tuyển du học sinh” hoặc “nghiên cứu sinh” sang bên này du học, hay tu nghiệp. Trong số đó, tôi quen biết một gã phó tiến sĩ tốt nghiệp ở Ukraine, một nước chư hầu của Nga làm việc cùng hãng với tôi. Gã là người Hà Nội nên nói chuyện rất thâm trầm và sâu sắc, thề nhưng qua giọng nói nghe có hơi...xa cách và nhất là khuôn mặt, tôi thấy...xa mặt cách lòng làm sao ấy.

Chẳng phải vợ đũa cả nắm, dường như họ đều có một mẫu số chung: Khi giao tiếp, thoạt đầu họ dè chừng giữ một khoảng cách đến...*có khả năng* phát chán. Nhất là đụng chạm đến những nhân vật *có vấn đề nổi cộm* trong nước, họ tìm cách tránh né vì *nhậy cảm và tế nhị*. Hỏi tới nữa, họ sẽ có những bài bản giống nhau là *rất ít thật* và *rất nhiều giả*. Nhưng với những chuyện cần nhờ cậy như mua xe, thuê nhà, tìm việc làm cuối tuần, hoặc làm thế nào để có vợ “thật” với giấy tờ “giả” thì họ vồn vã vồ vập. Xong chuyện,

nếu có gặp nhau lại, thường là họ ngó lơ làm như chưa hề một lần quen biết.

Với nhiều sự như thế, tôi đâm ra ngại ngừng và chột nhớ lại chuyện của một người bạn cũ, mặc dù có hơi khác một chút...Chả là hiền nội nhí của tôi từ bé tí tới nhớn chỉ được ngắm nhà thờ Notre Dame, dòng sông Seine qua tôi...kể lại. Không thấy không tin, nên tôi phải cất công đưa hiền nội qua Paris nhìn tận mắt cho mãn nhãn. Một ngày nắng quái chiều hôm, hai vợ chồng lạc tới một tỉnh nhỏ hẻo lánh bên đường, thềm cơm Việt bèn dẫn xác vào...một tiệm Tàu để thành chuyện. Chuyện là quán hẹp và sâu hun hút, vài bộ bàn ghế sô lệch dọc theo hai bên vách dăm tấm ảnh nghệ thuật chụp cái ao và mấy con vịt con. Nói dối phải tội là quán không khá, cũ mèm cũ rách như vài món đồ cổ chai lọ là mấy chai *bia 33*, *chai La de Con Cọp* bày trơ khác trên kệ.

Vừa nhai mấy cọng mì dai nhanh nhách, tôi râm ran với hiền nội nhí tôi ở đây chỉ có món “đặc sản” dồi huyết, dồi xả và “bia của bồn tiệm” là tạm được. Thì vừa lúc đầu bếp, cũng vừa là chủ nhà hàng, đầu đội mũ trắng cao nghệu bước ra, nghe tiếng Việt liêu xiêu đầy hương đồng cỏ nội của vợ chồng tôi nên nhận ra là người đồng hương và tay bắt mặt mừng. Tôi tự giới thiệu tên tuổi, nhất là cái

họ Tàu tàu, Lưu Bị chẳng ra Lưu Bị, Tào Tháo chẳng ra Tào Tháo, tào lao thì có và ngay sau đó là có cái màn hô hoán điếm mặt chỉ tên nhận ra nhau là bạn cũ trường xưa. Tiếp đến, sau hơn bao nhiêu năm những kỷ niệm học trò rơi rớt theo mưa nắng nên chẳng có bao nhiêu để hàn huyên...

Ăn xong ngáp dài, tôi hỏi cậu dọn bàn...*cái nôi ngồi trên cái cốc*. Về mặt lạnh tanh, lạnh ngắt như *tủ lạnh chạy đầy đường*, cậu ta quay ngoắt vào trong bếp. Bạn cũ cười tủm cho biết cậu là người Hà Nội, nghiên cứu sinh hôm nay. Nhân đang rách chuyện, tôi kể cho bạn nghe mấy cậu sinh viên du học mà tôi từng giúp mua xe, thuê nhà có những cái đầu eo sèo, ần dật. Những khuôn mặt tiêu cực, xa vắng đầy hoài nghi, nghi hoặc trong cõi nhân sinh cùng thời thế, thời trước thế đấy, thời này thế đó vừa mới đảo qua ở trên.

Bạn dăm dăm nhìn mấy món đồ cổ trên tường và dăm chiêu: “Giống như cái chai bị rạn nứt kia, có người chỉ nhìn cái khiếm khuyết ấy như một vết sẹo với một quên hai nhớ. Có người lại thích ngó nhãn hiệu *La de Trái Thom*, như một dấu ấn nằm ẩn khuất trong tâm khảm của những ngày tháng cũ. Như chuyện của *tôi* đây chẳng hạn, thưa ông”.

Và bạn cũ đồng dài với “chuyện của tôi đây chẳng hạn, thưa ông” như sau:

\*\*\*

“...Chạy vậy thì tôi cũng chỉ là một người di tản buồn, buồn thảm thiết như ông. Nhưng khác ông, số tôi ruồi được tàu Đức vớt nên đành chọn nơi đây làm quê hương thứ hai. Mà dân tộc này đã từng nổi tiếng nằng nỏ với câu: *Người Đức như viên gạch...nung*. Như ông biết đấy, giống dân ấy vốn dĩ...khô sặc gạch, không chữ nghĩa nào trên thế gian này tả sao cho hết. Ngôn ngữ của họ cũng vậy, phụ âm nhiều hơn nguyên âm nên nghe như ếch nhái kêu. Năm đầu, thẳng hàng xóm qua mời thẳng “*Vietnamesiche*” là tôi đây ăn lễ Giáng sinh. Nó nói nghe òm ọp làm sao ấy, đến gần chót tôi mới vô như ếch vô hoa mướp được chữ “*essen*”. Bỏ khi, đời thưở nhà ai động từ chúng nhét tuốt luốt ở cuối câu, nghe lòi nhĩ mới hiểu ra “*essen*” nghĩa là “ăn”, nói chung thì khó nhai lắm. Ông chịu khó ráng mà nghe chữ Tây chữ u, vì chuyện ở xứ tôi thì buồn nhiều hơn vui, chuyện để mà cười được khí...hoi bị hiếm, thưa ông.

Ông chép miệng góp gió thành bão:  
Cũng vô tư thôi. Vô tư thế quái nào được! Đó

là ông chưa biết đầy thôi, còn thăm sâu hơn nhiều vì nơi chôn tôi... tạm dung, tôi đặt tên là “Thị trấn bên đàng buồn hiu”. Vì đường phố chỉ có mỗi một ngã tư đèn xanh đèn đỏ đã được tắt ngúm từ đệ nhất thế chiến. Thêm một cái rạp hát, cũng chẳng sáng sủa gì hơn, nó đã được “phục mê bu tích” từ cuối đệ nhị thế chiến. Có một cây xăng chết tiệt, phải khom khom bơm bằng tay mệt nghỉ như bơm nước giếng đầu đình. Cũng có một quán cà phê đầy, mặc dù là miền đất lạnh tình nồng, nhưng cũng phát phơ với mấy cái quạt trần hai cánh, lừ đừ quay làm cảnh đuổi ruồi. Trước cửa ra vào, dọc theo hành lang là một dãy ghé xích đu, khách thường ngày là ông già bà cả. Hôm nào ông thấy có ghé trông hoác, lơ đễnh cách mấy ông có hiểu dùm tôi là: Mới có một con chiên vừa được ông thánh “Phê rô” vui vẻ gọi về châu nước Chúa. Lẽ dĩ nhiên chẳng thể thiếu cái nghĩa địa, mà nghĩa địa thì có quái gì mà nói ngoài cái hàng rào sắt. Ngẫm chuyện thế gian thì nghĩa địa đâu cần phải có... hàng rào, thế nên chẳng dấu gì, tôi cứ phơi bụng ra với ông.

Điều tôi muốn thưa với ông là, dân cư ở đây không được đông đảo gì cho mấy. Tôi cũng chẳng rỗi hơi đâu mà đếm, đoán chừng đâu đó cũng chỉ khoảng gần hai nghìn người là hết đất. Sâu bi hơn nữa, trong đó lại có tôi.

Mà ở cái thị trấn đèo heo hút gió này lại không có cái màn bán bia bọt và sách báo hở hang lĩnh kính, thế mới...hóc. Tôi biết thế nào ông sẽ nói vượt đèo: Cũng thỏa mái thôi. Thỏa mái cái con khi! Vì lũ chúng tôi đây là ba gia đình Việt Nam thì thê thăm gì đâu! Như trạch bỏ giỏ cua, mắt trắng dã như phường mù dờ với quần sắn móng lợn kẻ lột da, người lóc xương, bỏ nháo bỏ nhào làm thợ mổ bụng, sẻ thịt cho cái lò...lợn gần nhà. Chiều về mệt lử cò bợ, ngủ vùi, cuối tuần ngủ nướng cho thơm râu, nên ít khi gặp nhau. Cái lò lợn tênh hênh giữa... “.

Ông nheo mắt dăm dớ hỏi tôi: Vậy có gì vui chẳng? Ấy là ông hỏi tôi đấy nhé:

“...Bước ra khỏi nhà là gặp ngay nỗi buồn chạm mặt, nèo neo là bìa ruộng của cái thị xã hoang vắng, nỏ mắt bấy ngày không mò ra bò với trâu, chỉ thấy máy cày, xe ủi đất. Đi mấy chục cây số có một làng Việt Nam có từ cuối thế chiến thứ hai. Ở thị xã tôi đây, thủ lợn, móng lợn, ruột non, ruột già, cứ ối ra. Vì theo lệ là cứ cuối tuần tụi tôi xách tới làng đầy *bản sắc dân tộc* để bán buôn, vừa để có tiền tiêu vặt, vừa để đàn đúm và ăn uống. Nói chung được mỗi món chả nướng của cụ Neugen là ngậy mùi, còn món bánh cuốn nhà Neulet thì nhão nhọt như bánh đúc. Tệ hại nhất là phở của lão Nouyen, lỏng

bống nước, thịt nổi lều bều. Ông lờ tống vào họng, ông cứ mặc tình hư cấu và hoang tưởng đó bán canh giò heo hay bún bò Huế cũng chẳng chết thằng Tây đen nào. Làm như quen thuộc mấy ông nhọ nòi gạch mặt này hồi tản cư, chạy loạn. Hay là ông muốn biết mấy người họ Ne, họ Nu trên là ai?. Ấy đấy, họ là lính thợ từ quê nhà qua giúp mẫu quốc. Chiến tranh chấm dứt, một số ở lại lập gia đình với người bản địa, để rồi nhớ quê cha đất tổ lập nên cái làng hẻo lánh này. Làng chỉ có nhăm chục nóc gia, cái bằng gỗ mái ngói, cái bằng gạch mái si-măng, lụp xụp, cao thấp, úp lên nhau như chồng bát đĩa. Ngoài cái công làng bằng tre...Phi Châu là mát mắt. Trong sân, ngoài vườn, xi líp, váy, quần đùi, may ô phơi mắc la liệt, giống cò đuôi nheo hội làng, trông cũng vui mắt đáo để, thua ông.

Tôi biết ông đang đợi cà phê. Hay là kẻ chuyện thị xã tôi cho ông nghe nha:

“...Từ thị xã tôi ở lên tỉnh có một con lộ duy nhất, có hai “lên”...lên xuống vắng tanh vắng ngắt, ông muốn lái xe chạy “lên” nào cũng được nên chẳng có gì...lạ cả. Một buổi sáng, tôi nhòm ra đường thấy mấy chiếc xe ô tô đậu sếp hàng. Có ông bố hí hửng dẫn ông con xuống chăm chú chỉ chỗ ra cái điều như có gì đó lạ lẫm lắm. Nếu có thì ấy là...đàn vịt

của tôi nuôi đang nhớn như qua đường vậy thôi. Thế là tôi vác cái máy Nikon ra nháy lia lia. A! Ông hỏi tôi cái máy hình đầu ra mà óách thế. Thế ông quên mớ *ruột non, ruột già* vừa rồi ấy à. Số là tụi Đức nó vác đi, tôi gom lại mang về. Bắt chước tụi Đức vùng Braufels làm xúc-xích, tôi làm dồi trường, dồi huyết, dồi xả cũng ngon ra phết và bán cho làng Việt Nam nên có “con Nikon” với giá “cứng” là vậy đây.

Một ngày thấy gần nhà có một vũng nước to gần bằng...cái ao. Thế là tôi bật ra ý đồ nuôi vịt để chiêu hiền đãi sĩ. Vắng cảnh chiều hôm, tôi thịch một con làm tiết canh, rồi ới tụi bạn trước lạ sau quen tứ phương tám hướng tới. Nói cho ngay bè chứ không phải là bạn, không có cua thì bắt ốc thế thôi. Thằng nào vác xác tới cũng nên biết điều một chút, chỉ cần xách hai va li bia. Một va li cúng cô hồn. Một va li để lại cho gia chủ tỉ tê trong những lúc vắng gió đìu hiu. Mà giờ ạ, đầu cũng vậy: *Náo thị u lâm mạc luận, cổ kim hiền hữu năng tầm*, nói xa chẳng qua nói gần là tôi đang bó rọ nên thêm...bạn. Một thằng bạn đúng nghĩa. Hấn cũng sắp xuất hiện, chắc như cua gạch ông sẽ chịu nó ngay.

Số là lụi đụi như con tôm, con tép nằm trong rọ nơi xó đồng, nên tôi phải lân la viết

thư làm quen với nhóm “Cánh én” để gửi báo cho tôi đọc. Và phải thú thực với ông một nhẽ, tôi chịu chữ nghĩa của họ, một phần vì họ viết ngắn gọn và trong sáng. Một phần vì có nằm trong chần mới biết chần có rận, nên qua họ, tôi mới hiểu được một phần nào những hoạt cảnh ở ngoài Bắc thời bao cấp. Đồng thời, tôi mới hiểu cái tận cùng của nhóm người mà một mảng chữ nghĩa trong nước gọi là “Hợp tác lao động”, nôm na là nhân công xuất khẩu miền Bắc qua Đông Âu. Họ bị kiểm soát qua đám thông dịch viên kiêm chính trị viên của sứ. Ông nhướng mắt ra điều như muốn hỏi “sứ” là gì ấy hả?. Dạ thưa “sứ” đây không phải là sứ cùi Thái Lan đâu mà là...tòa đại sứ “ta” đấy, thưa ông.

Bức tường Bá Linh sụp đổ, những người hợp tác lao động rơi vào cái tình trạng vất vưởng của một nhóm người bị bỏ rơi cùng cái nợ áo cơm với ba cái nghề vất vãnh như “cõng” thuốc lá, “cửu vạn” dầu thơm, xà phòng. Nói đến xà phòng, tôi lại nhớ đến truyện họ viết về nhóm đàn bà con gái trong cảnh sống “chật hẹp”, chật hẹp đến độ cả năm lông nách không cạo. Và xin lỗi ông, chẳng hay ho gì chuyện này, tôi chỉ kể những gì họ viết: Đến ngày có tháng thấy...*mưa sa trên màu cờ đỏ*, không có băng vệ sinh, đàn bà con gái phải “phấn đầu” lấy giấy đi cầu

nhét vào để bịt mồm lão... Fidel Castro cho yên thân.

Còn đám đàn ông con trai, quanh quẩn với nhau như đèn cù trong những ngày cuối tuần. Thừa được con cừu bỏ vào bao bố, khiêng về treo trong phòng tắm, cắt tiết, cạo lông rồi ngả thịt. Cả nam lẫn nữ ngồi bó gối dưới sàn ăn uống nhồm nhòam, rượu Vodka hay... *những giọt nước mắt quê hương* đổ ra. Tàn canh gió lạnh, người này gác chân lên người kia khoèo một giấc, tỉnh dậy thấy con bò đang ôm thẳng bạn mình ngủ vùi. Sáng hôm sau, như một lũ chuột thành phố, khi ẩn khi hiện với mấy tút thuốc lá quán dưới ống quần, dầu thơm lẩn trong nịt vú. Giản dị có thể nói họ là những tay giác đấu cô đơn trong đấu trường. Những người vô tổ quốc bám cứng vào mảnh đất chẳng có ngày mai.

Với quá khứ vị lai thì sau này, ông thấy tôi hay làm dáng với dăm ba câu Hán tự, thực ra tôi chỉ bám víu vào chữ nghĩa để hoài cố nhân. Cố nhân của tôi là một gã hủ nho sa cơ lỡ vận để rồi cái khó nó bó cái khôn, nhưng trước sau vẫn là... bạn đời của tôi. Thôi thì trời chiều bằng lăng, ông hãy để mặc tôi như con cuốc gọi hồn râm rả với ông rằng cuối tuần nằm khẽnh đọc báo và tôi hoa mắt như không tin ở mắt mình. Tôi bắt gặp một tay

viết, có lối hành văn thật cứng cùng một mẫu chuyện thật giản dị, nhưng trải rộng tràn đầy tâm tư của những người bị kẹt lại và u hoài về một tương lai xa vắng nào đó, cùng những hoài vọng sâu kín cho một ngày mai, bên kia là núi, bên này là sông, thưa ông:

Truyện về một cậu bé, trước ở phố Hàng Ngang, theo gia đình tản cư một thời gian rồi hồi cư về Hà Nội sau năm 54. Nhà bị chiếm nên tạm trú ở căn nhà số 7A ngõ Phan Huy Chú. Ở đây, chiều chiều cậu nhìn qua bên kia vườn. *Căn nhà số 7B*. Cậu yêu thầm nhớ trộm cô hàng xóm đứng thẩn thờ dưới gốc cây. Truyện viết chỉ có vậy thôi. Nhưng đọc xong tim tôi thắt lại, băng khuâng pha lẫn những bồi hồi. Vì điều ngẫu nhiên trùng hợp đến kỳ lạ là...là...căn nhà số 7B ấy cũng chính là căn nhà của ông bà cụ tôi để lại cho ông bác và người chị ruột tôi khi di cư vào Nam. Lặng người đi một lúc lâu, tôi nhòm dậy viết thư cho tờ Cánh Én. Tháng sau, tác giả của bài viết có mặt trước ngưỡng cửa nhà tôi mà tôi nhắm chừng hơn tôi một, hai tuổi. Hiểu theo nghĩa là cùng tuổi với chị tôi, hay cô hàng xóm bên kia vườn của một thời, một thuở...

Tôi đã gặp lại một người Hà Nội, như đã thưa với ông. Và cũng là “ông anh rẻ hực”

của tôi, thì cứ coi là như vậy vì đi có mắt mát gì đâu. Nhưng sự thể ấy là chuyện sau.

\*\*\*

Vật đập chát vào mắt tôi là chiếc xe “Vóc-oa-gân” vàng tróc sơn và rỉ sét, loại xe thùng, trông như cái hộp biết đi. Với hẳn, điều tôi ngạc nhiên nhất là khuôn mặt sạch nước rửa, chỉ thiếu cái mũ phớt, cặp kính trắng gọng vàng, cái bút máy “Pác-ke”, một đặc thù của người Hà Nội trước 54 bây giờ vẫn còn rơi rớt lại trong tôi. Với hẳn, tôi thấy khác hẳn với dân Bắc Kỳ hai nút sau năm 75 mặt mày ngu ngơ, nói chuyện thối inh. Vì vậy tôi có cảm tình với hẳn ngay cái buổi đầu gặp gỡ ấy. Sau những hỏi han xa gần về căn nhà thân yêu tuổi ấu thời. Riêng chuyện bà chị tôi, hẳn có vẻ tránh né vì một lý do nào đó chưa tiện nói, nên tôi đành đợi một dịp khác. Rồi bữa rượu tầy trần cũng được bày ra với đĩa lòng, tim gan phổi phèo đủ cả. Thêm vali bia Kruerger của khách vãng lai để lại. Có thể vì trốn mây nắp gió tình cũ hay sao ấy, cầm chai bia cũ kỹ đóng ít bụi, hẳn khơi khơi rằng bia chai giữ được một năm, còn bia loong chỉ giữ được sáu tháng. Để cho mình là đúng, gã tu cả chai cái một ngon ơ. Xong, hẳn vỗ vai tôi thân mật ra cái điều tửu phùng tri kỷ, mà tri kỷ, tri bỉ, tri nhân thật, để rồi càng về khuya, câu chuyện càng đậm đà hơn

và sau này trở thành cố nhân của tôi như vừa thừa chuyện với ông vừa rồi.

Ông biết không, có một chuyện chẳng bình thường mà tôi khựng lại như gái ngồi phải cọc khi hẳn khoe là “Phó tiến sĩ cấp I khoa văn Nga ngữ”. Tôi hỏi mắc mớ gì hẳn “lưu vong” tới đây để xỏ...tiếng Đức thì hẳn thuyết minh chuyện một quãng đời của hẳn:

Đề xuất ngoại du học lấy tiến sĩ toàn là con cháu bần cố nông, trong giảng đường bao giờ cũng phải có thông dịch viên của “sứ” đi kèm, nên thu hoạch chẳng là bao. Vì vậy đều đi tuốt cả lũ, nhưng mỗi người đều được cấp một chứng chỉ đã thông suốt diễn trình. Về nước, với mảnh giấy lộn này, đương nhiên được gọi là...“phó tiến sĩ”. Sau mấy thầy Nga Sô, ông kennh Trung Cộng đòi tụi “ây ái uông” phải có *cơ sở văn hóa cao*, nên con cháu tiêu tư sản mới len chân vào được, trong đó có hẳn.

Như con còng trong lỗ chẳng biết đến ai, tôi sống sít với hẳn về mấy *quan chức, cây đa cây đề*...Được gãi đúng chỗ ngứa, hẳn tung tãi: *Quốc loạn tri trung thân, gia bần chi hiếu tử*. Hẳn thở ra: Chán lắm, trong cung đình thiếu hiền tài, lùn trí tuệ, thiếu nhân đức. Đức ít mà ân sủng nhiều, tài thấp mà địa vị cao, công nhỏ mà bổng lộc lớn là tam đại

họa, đề đi đến quốc phá gia vong, lòng dân ly tán, hiền tài bỏ nước mà đi, cơ đồ đã đến hồi tận. Hấn tiếc cho cái thời Nghiêu Thuấn, của bá tánh đánh rơi ngoài đường không ai nhặt, ngủ nghề không cần cửa đóng then cài, còn bây giờ trộm cắp như rươi ấy.

Nghe vậy, ai mà chả thấy buồn nẫu ruột. Học ông, tôi nói vuốt đuôi cùng thời thế, thời trước thế đó, thời này thế đây. Đây là lão ngáo qua đây, gia tài tôi chỉ có “con Nikon” chụp đàn vịt. Buột miệng tôi khoe với hấn ống “zoom” của máy to đùng như khẩu Sơn Pháo 76 ly. Hấn cười cái bép “Xưa rồi Diễm ơi”. Bị chê võ mặt tôi què hết biết. Càng lúc tôi càng gần gũi với hấn, dầu gì hấn cũng là nhà văn lưu vong, có bài viết trên sách báo với sự hiểu biết rộng như trời biển. Nói xa chẳng qua nói gần, hấn là một...nhân tài đấy, với địa linh nhân kiệt như Thăng Long nghìn năm văn vật thì nhân tài thời nào chẳng có.

Bỗng dung hấn cầm...chai bia lắc lắc và ư hử: *Lắc bầu rượu, dốc nghiêng non nước lại. Chén tiểu đàm, mời mọc trích tiên.* Hóa ra tôi và hấn cũng bị biếm trích như...Lý Bạch, Tô Đông Pha chứ đâu có đùa. Sau đấy, tôi cứ mặc sức ngồi trơ thổ địa ra mà nghe hấn tầm chương trích cú từ Hán Sở Tranh Hùng đến thời Tam Quốc, cùng điển tích

này, điển cố kia, luận cổ suy kim đâu ra đó. Như hần...thuyết khách về Tần Thủy Hoàng với Mao Trạch Đông, cả mấy nghìn năm chỉ có hai nhân vật này thống nhất được nước Trung Hoa...để rử nhau đốt sách thánh hiền. Dậu đồ bìm leo, hần luận về Mạc Đăng Dung với Hồ Chí Minh, với khoảng cách cả mấy trăm năm. Vậy mà cùng gốc dân ven biển, cùng đầu dây nợ cho chuyện cắt đất ở Ai Nam Quan. Ợc hết chai bia, hần vỗ vai tôi chí chát và ngậm ngùi xa vắng: *“Cổ lai danh lợi nhân, bôn tẩu lộ đồ trung, phong tiền tửu điểm hữu mỹ tửu, tỉnh giả thường thiếu, túy giả đông”*. Và hần diễn nôm là xưa nay phường danh lợi, bôn tẩu trên đường đời, gió thoảng hơi men trong quán rượu, say cả hỏi tỉnh được mấy người? “. Khiến tôi cũng...tỉnh người ra vì ngồi trong nhà ợc bia, cứ ngỡ là ngồi ngoài quán uống rượu như Cao Bá Quát, Phạm Thái. Thế đấy, thua ông.

Nói thật cho ông hay, ông giận tôi chịu, nếu so với đám sĩ phu Bắc hà cỡ tuổi ông và tôi thì mình thua họ xa. Tôi đã gặp rồi. Chính hần. Ngoài ra, hần mê hoặc tôi với giọng nói đậm âm của người Hà Nội, mà lâu lắm rồi tôi mới được nghe. Qua hần, tôi bắt gặp lại cái cốt cách thanh tao lịch lãm, nhạy cảm và tinh tế, nhưng cũng không thể thiếu cái lãng mạn, thâm trầm mà điển hình là hần. Và cũng xin

thưa với ông, cắt người thì thôi, cắt đầu gối thì thom, mặc dù hấn cũng có đôi lúc...vồn vã quá lắm, thiếu hấn cái khí khái tính, cái khách sáo của người Hà Thành thanh lịch trước kia. Nhưng hấn đúng là một kỳ nhân dị sĩ mà tôi ít gặp. Đúng là duyên kỳ ngộ ít thấy, ông ạ.

Bình cạn rượu khô chiều nắng tắt, bỗng hấn hò trường: *Giai nhân, hê, vẫn chiêm bao. Thất phu, hê, biết chỗ nào dung thân.* Ông nghe đã không ông. Thì như tôi đã thưa với ông vừa rồi: hấn và tôi đều là ...thất phu cả đấy. Bỗng khi không, không hỏi mà khai, hấn bắt qua chuyện vợ con hấn. Hấn lập gia đình với con của một thứ trưởng thân Nga, nhờ ông bố vợ với “nhất phe, nhì đảng”, hấn được cử sang làm việc ở tòa sứ Đông Đức. Nhờ biết ngoại ngữ, họ bố trí hấn vào cụm phân tích tình hình, suốt ngày xem ti vi, đúc kết gửi báo cáo về nước. Hấn tiết lộ cho tôi hay, ngày Nga Sô ngắt ngư con tàu đi, các quan chức ở Ba Đình sợ thọt dái lên cổ, quáng quàng tìm chỗ gửi gắm của chìm của nổi qua họ hàng hang hóc khi có biến động. Có quan chức nhanh nhẩu đoán vu qua Thái Lan, tuần sau tên tò mò về như chó cụp đuôi. Hấn nói ai chả biết chúng khôn như rận, tự biết là đồ tể, chơi với dao có ngày chết vì dao. Nghe đến đây, tôi nhìn trộm hấn, vì như

ông đã biết: Lúc đó, tôi cũng đang là...đồ tể như ai.

Hắn chép miệng xóng xả, lương sứ là cái lương chả bỏ nhét răng, vậy mà hàng năm hắn phải cúng một phần ba lương cho các quan chức Bộ Ngoại Giao. Tết đến về thăm nhà, các quan sứ nhờ vả mua sắm, nhiều khi toi cả tháng lương. Bức tường Bá Linh sụp đổ, thế là hắn xin tị nạn. Tôi vội chặn hắn lại để hỏi cho ra nhẽ, vì qua những chuyện từ những báo Đông Âu của người Việt, sở di trú và cảnh sát làm khó dễ họ đủ điều. Hắn cười buồn trả lời, với hắn thì cũng vậy thế thôi, chỉ đau một cái là trên cái hộ chiếu, bộ Nội Vụ Đông Đức đóng cái dấu xanh màu lá mạ: "Uprehlik", nghĩa là... "Kẻ đào tẩu".

*Cực kỳ hơn cả cực kỳ nữa là một sớm hai sương vợ hắn bỏ...kẻ đào tẩu lấy ngay "sếp" cơ quan của hắn. Thế có kỳ không? Hắn hỏi tôi vậy thì ông cố nội tôi cũng không trả lời nổi! Thấy tôi im như thóc ngậm, hắn bèn ngậm thơ cụ Nguyễn Công Trứ mặc dù đang nốc bia: *Rượu với sầu như gió mã ngư, trong lai lảng biết đâu tránh khỏi.* Rồi thì chuyện trâu ngựa là ông bố vợ hắn bị thất sủng, thằng con hắn "được trúng tuyển nghĩa vụ quân sự" lên vùng mạn ngược và hiện đang...*đầu đội nón cối vai mang súng dài, chẻ tre đồn gõ biết phàn nàn cùng ai.* Rang*

rúc gì đâu chả biết nữa, như Lý Bạch, chỉ mong mượn rượu say lúy túy để quên thời đời, hẩn âm i: *Đản nguyện trường túy bất nguyệt tỉnh*. Vừa u hử xong, chơi nguyên một chai bia đầy thì hẩn vật ra...bất tỉnh luôn.

\*\*\*

Sáng hôm sau tỉnh dậy, hẩn khật khừ ra xe khiêng vào linh kính một đồng đồ nghề. Trơ mắt châu ra nhòm: Giời đất ạ, ông giời có mắt xuống đây mà xem, bộ hết chuyện hay sao mà hẩn dậy tôi...“nấu” bia. Cứ theo hẩn kể thì khi là công nhân nấu bia, hẩn sơ sạ được từ nhà máy Bia Hà Nội, tức nhà máy bia Hommel cũ trước năm 54, thừa ông.

Và đồ nghề hẩn là hai cái thùng nhôm chồng lên nhau như hai cái chõ hấp sôi, hấp giò, thì hẩn lại kêu là...cái gàu. Một từ “chuyên ngành” của rượu cuộc lủi, rượu chui. Chỉ khác một nhẽ chõ trên có gắn một cái nõ ngắn cũn như cái khăn con. Vung chõ có ống thoát hơi như ống khói cao lều bều, vì có “nắp” nên trông rất hiện đại...Nhìn thoáng qua, y trang...cái nôi ngòi trên cái cốc. Hẩn bắt tôi ghi ra giấy là: “Để nấu một lít bia cần 95% nước, 20 gr lúa mạch, 1 chiếc hoa houblon và bột nổi. Lúa mạch phải ngâm nước ba ngày, lấy lúa ra đọi lên mâm. Mâm ấy biến thành mạch nha tạo *màu vàng* cho

bia”. Nhìn cái khăng con dài cỡ gang tay ngựa mắ, tôi ngựa miệng hỏi. Hấn cười toe ấy là cái “chọt gỗ”, đun lửa để nước bốc hơi thành bia chảy...ra ngoài để uống. Để hiểu vậy thôi.

Hấn đọc tiếp: “Sau đó đun để chất đường trong mạch biến thành...*đường*. Vì *đường* sẽ biến thành *bia*. Đó chính là “bã bia”. Khi sôi, bỏ hoa houblon vào. *Hoa bia* này tạo vị đắng cho bia. Nhìn cái ống khói có cái “nắp” xôn xang, lại ngừng ngoảnh, hấn cho hay rượu khác bia. Máy thùng gỗ sôi rượu nho cũng có nắp đặc biệt cho khí CO2 thoát ra và không cho khí khác chui vào. Ngược lại, bia cần không khí qua “ống khói” để cho bia có...“gaz”. Cái nắp mở ra đóng vào theo thời gian đủ cho CO2 vào nồi để bia...”*sui bọt*”.

Lúc này tôi mới vỡ nhẽ tại sao bia có gaz và đắng với bia bọt lại có...bọt. Tôi lẫm đẫm thêm là sao hấn biết chỗ tôi ở không bán bia? Lại nữa, “bã bia” nào có để soi. Hấn *hợp đồng* với tôi bã bia hấn có cả đồng, khi nào cần hấn sẽ gửi cho với...*giá hữu nghị*. Nghe vậy, tôi nghĩ xa hơn nữa, nay mai tôi dám phát lên với bia ở thị xã Duchkholyz lăm ạ. Chuyện đòi ai học được chữ ngờ, làm chơi ăn thật, ai dè tôi lại dính dáng đến...”củi lửa”

với bia bọt. Giờ nghiệm lại, hóa ra có mở hàng ăn, nay tôi mới gặp ông ở đây.

\*\*\*

Trước khi hấn về lấy “bã rượu” cho tôi. Tôi ngây ngật với hấn, kỳ tới qua mang theo ít “gầu”. Tôi sẽ dẫn đến làng Việt Nam, chém chết cũng quai được một mớ. Tôi biết hấn sẽ trở lại, vì hấn đã *kinh tế* hết cả rồi. Hấn trở lại thật đầy một xe với gầu to gầu nhỏ. Dẫn tới gặp mấy lão Neugen, Nougen và hấn đây được mấy cái... “gầu” bia.

Ở nhà tôi, hết thịt vịt luộc chọt với “Mely”, đến dồi chiên quệt với “Mostaza”. Hấn thành thơ thơ túi rượu bầu qua Lý Bạch: *Quân nhược bất ẩm tửu, tích nhân an tại lai* và an nhiên tự tại... uống tiếp. Hấn *kinh qua* nhân sinh qua kinh Di Giáo, Bụt đã dạy: *Tri túc chi nhơn, tuy ngộ địa thượng, do vi an lạc. Bất tri túc giả, tuy xứ cực lạc, diệc bất xứng ý*. Hấn diễn nghĩa là biết thế nào là đủ, có người tuy nằm dưới lòng đất cũng thấy an vui. Người không biết đủ, luôn luôn chạy theo khổ lụy, có lên miền cực lạc cũng chẳng bao giờ tọa ý. Nên tôi tâm phục khẩu phục nỗi niềm *tu duy logic* của hấn quá sức. Tôi đến, hai thằng gác đùi lên nhau nói chuyện nõ như gạo rang, chuyện dai như rẻ rách, chuyện đổ bốn chân giường, chuyện long ba

bức vách. Tôi mách hấn trên tỉnh có nhà hàng xúc-xích, đi với bia Kronenbourg thì mã lắm. Cảnh lại có tiệm đồ cổ, có một gian trưng bày rất nhiều chai bia cũ từ thời tám hoánh nào. Thế là hấn rủ tôi đi *tham quan* nay mai.

Từ mấy chai bia cũ, hấn trở lại thời hấn nấu bia nhà máy Bia Hà Nội. Cứ như theo hấn giọt giọt tôi hiểu ra nhà máy bia Hommel chỉ bằng một phần mười nhà máy bia BGI Sài Gòn. Nên tôi cũng định vung vít với hấn, rằng hồi còn nhỏ, năm tám tuổi, ở Hà Nội tôi đã từng uống trộm bia 33 của ông cụ tôi và ngã cái đùng, say nhớ đời. Chưa hết, vào đến Sài Gòn, nhằm vào cái tuổi tập tành làm người nhớn, tôi cũng một đồng ba điều Ryby với...bia 33. Tôi sẽ vung vít với hấn về một nhà văn nữ đã phóng bút: *“...Nàng thấy cái cảm giác lâng lâng chạy suốt từ phía dưới chạy lên. Ngày còn trẻ nàng cũng có những lúc nàng lâng lâng một kinh khoái phần phật sau những hơi hướm của giống đực ếm vào môi và tai. Nhưng lúc trẻ nó chạy xuôi, xuôi qua cổ họng, xuôi xuống háng. Còn bây giờ nàng già, nàng lại thấy nó chạy ngược...”*. Và tôi sẽ nói cho hấn hay có sự gì tôi uống...bia 33.

Sau đấy, rằng dựa vào báo bỏ mà tôi đã đọc qua, tôi sẽ...hoa bia, hoa hòe với hấn

những cái tên từ gốc Đức là “Bier”, qua Pháp là “Bière”, Anh Mỹ là “Beer”. Và ngoài Bắc tên “bia” có từ năm 1939 qua...*Bière* 33 Export. Tiếp đến, năm 1875 ở trong Nam, người thành lập hãng BGI để làm...*nước đá* là người Anh tên Victor *Larue*. Sau làm thêm bia, và chỉ duy nhất bia lớn vẽ đầu con cọp màu vàng. Tết đến in lịch, một ông Tây của hãng đã viết tên của người sáng lập ra hãng nước đá và bia với hai chữ Việt - Pháp đề huê “Lave - *Larue*”. Từ chuyện chéo ngoe ấy mới có...”La ve” và tên... “La de Con Cọp”.

Năm 1973, ở hai bên nhãn hiệu đầu con cọp vẽ thêm hai tràng hoa houblon. Nhưng vì họa sĩ là người Việt Nam chưa bao giờ nhìn thấy “hoa bia” tươi mà chỉ nhìn thấy hoa khô héo nên vẽ lộn ra...trái dứa nên có tên là...“La de Trái Thơm”. Vì vẽ...lộn, sản xuất ít, mỗi thùng La de Con Cọp chỉ thêm vào một chai. Người tiêu thụ cứ nghĩ là La de Trái Thơm là...chai đặc biệt. Và tôi muốn lắng nghe với hẳn là miền Nam mưa nắng hai mùa đã nuôi dưỡng tôi từ cái tuổi thiếu thời, nếu bây giờ tôi có hoài đồng vọng về một Sài Gòn đầu đường cuối ngõ thì chẳng hẳn là bia 33 hay bia trái dứa mà là..La de Trái thơm.

Ấy vậy mà khi không hẳn lâu bầu với tôi: “*Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân,*

*tương phùng hà tất tăng tương thức”, và tôi hiểu lôm côm ra là cùng một lúa bên trời lặn đặng, gặp gỡ nhau lọ đã quen nhau. Nên tôi cảm khái quá lắm, chẳng dám loạn ngôn loạn chữ với bia bọt, ai mà đại gỡ trống qua cửa nhà... máy bia Hommel Hà Nội.*

A! Ông hỏi tại sao tôi uống bia 33 ở đoạn trên ấy hả? Thì đây là khúc nhà văn nữ khám phá ra cái khoái cảm, cái cảm giác kinh khoái chạy xuôi, chạy ngược: “...*Tại sao và tại sao mình cứ du đời mình vào những phút giây này. Ba phút hạnh phúc. Ba phút run rẩy. Ba phút rạo rục. Ba phút bia 33. La ze con cọt say ngà ngà. Nàng chưa bao giờ uống một tợp bia 33 này chỉ nghe người ta tả nhưng nàng thích nghĩ là khi hai kẻ mới bị con ma yêu tinh dẫn mới, mới khám phá về nhau, mới đề mê tìm hơi ấm, tìm linh hồn, tìm thân xác nhau, thì cơn say ngâm ngâm thịt da linh hồn và trí óc cũng ngà ngà tựa như say bia 33 nó ếm vào môi, vào ngực...*” giữa hai loại bia với tuổi trẻ, tuổi già, thừa ông.

\*\*\*

Trên đường lên tỉnh, hấn nhắc nhóm tôi, chuyện này để hấn đi chợ vì mới đây được mấy cái gấu, tôi nhủ thầm, thằng này đúng là dân chơi câu ba căng nên chơi được. Ghé tiệm đồ cổ nhưng đúng ngày tiệm đóng cửa.

Vào tiệm bia, cái thằng mắt bò hay sao ấy, hẳn chơi nguyên “*Một mét bia*”. Còn xúc-xích, hẳn ăn như tằm ăn rỗi. No say xong, hẳn kêu tức bụng và phải mò vào...chuồng xí. Đợi mãi không thấy ra, tôi tự nhủ cái thằng ăn thùng bất chi thành như thế bị Tào Tháo đuổi là phải, phải đi thăm lãng bác thì cũng tốt thôi. Nhà hàng ra tính tiền, tôi móc túi trả vì nhầm nhò gì ba cái lẻ tẻ, chẳng phải tôi một tác tận giờ gì vì cũng có khi cũng trượt ra cả đấy. Nghĩ lại một lần hẳn nói với tôi: *Hữu bằng tự viễn phương. Bất diệc lai hồ*, và tôi hiểu là *bằng hữu từ xa tới, không vui sao*. Ấy đấy, ông thấy không, tôi không vui sao được khi gặp người chơi với bạn chí tình như hẳn là nhất. Nhất hẳn đấy, thua ông...À! Ông hỏi “*Một mét bia*” là cái của nợ gì ấy hả? Ấy là một khay gỗ bia, bia hàng một đứng xếp hàng dài cỡ...một mét thôi, thua ông.

*Tửu vô kiểm tỏa năng lưu khách*, nhưng hóa ra rượu bia cũng không cầm chân được hẳn. Tối hôm ấy, hẳn vật vã với thùng bia, với tôi và âm ỉ trong một cõi đi về: *Hãy uống cho say trời sắp sáng, mai này hai đũa đã hai phương* khiến tôi cứ nẫu người ra. Ngày về, hẳn để lại cho tôi ba cái gầu hiện đại và dặn dò nhờ tôi đẩy dùm cho mấy gia đình quanh đây, rồi hẳn lấy sau. Bước ra cửa, hẳn bịn rịn

với tôi cả một lúc lâu. Lúc ấy vì giao động, mắt tôi như chắn ngang một màn sương mờ và trong đầu tôi lại nghĩ có thể chẳng bao giờ gặp lại hắn nữa, một thằng bạn chí cốt, mới gặp nhưng như quen nhau từ kiếp nào. Ngồi trong xe, hắn vừa vẫy tay chào tạm biệt, vừa móc ví xem giấy tờ gì ấy, vừa lom lom nhìn vào trong xe. Để rồi hắn bước xuống, mặt mày lùng nhùng là xe gần hết xăng và hỏi tôi có thể “cán” cho hắn ít tiền vào ba cái gầu của hắn được chẳng. Đúng là cái thằng khi, có cái bình xăng cạn cũng lơ đễnh thì còn làm ăn buôn bán gì được.

Hắn đi rồi, trong một thoáng cùng những hoài cảm lằng lằng, tôi nhớ lại câu chữ Nho của hắn: *Tuế bất hàn vô dĩ tri tòng bách. Sự bất nan vô dĩ tri bằng hữu*, hiểu theo nghĩa trong cơn hoạn nạn, mới biết thế nào là bạn. Để rồi cái đầu củ chuối của tôi đưa đây tiếp: Kẻ sĩ bách vi, thâm nho và hiền triết như hắn, trên đời dễ có mấy tay. Thầy tôi đẩy ông ời...Thoáng như ông đang lụi đụi: “Thì cũng tốt thôi mà”. Tôi cũng nghĩ như ông, hình như cuộc sống đến một lúc nào đó phải chấp nhận những gì...không tốt lắm và cứ xem nó như một cuộc chơi thôi. Chấp nhận những gì mà mình đã có, đang có được hay sẽ có hoặc không, để chịu đựng qua cơn bão, để làm sao để biết tìm nơi trú ẩn dưới cơn mưa. Và hắn

thì đang cần một mái hiên trong những lúc nhiều mưa ít nắng, vậy thôi.

\*\*\*

Hắn về rồi, ngồi các ca các cùm hành lang trước cửa nhà, tôi lữ cữ đuổi theo những bước chim di của hắn: Rõ ra, nấu bia mà hắn dẫn giải đâu có gì hay ho! Nào có khác gì nấu rượu nếp của các cụ ta xưa? Thì cứ lấy nếp “hấp” không chín hẳn. Xong vớt ra ủ với men rượu nhăm bữa. Nấu lại thật chín. Rồi trải nếp đều lên rá, mẻt, nước chảy ...”tong, tong” xuống bát canh là thành rượu nếp chứ cần quái “cái chọt gỗ” ngăn ngun ngun như...“cái củ cải” để bia nhỏ giọt như chó đái giắt ấy. Chưa hết, một lần hắn còn chữ nghĩa về bia tươi, bia hơi của ta lẫn bia “bock”, bia “draft” của Tây. Chữ là nghĩa và sự hiểu biết quá nhiều đến độ tôi có ý ngờ ngợ cái cơ sở văn hóa quá mạng của hắn từ bia vàng nhờ mạch lúa, tới bia đắng nhờ hoa bia, đến bia bọt...sủi bọt nhưng chưa tiện hỏi cho ra nhẽ...Ừ thì chuyện đâu vẫn còn đấy, hỏi cho có chuyện vậy thôi, thưa ông.

Và hắn ghé tôi nữa, và tôi hầu như hầu bỏ tôi không bằng, com bung nước rớt, quanh đi quăn lại chỉ vẹt luộc, lợn luộc. Trong bữa tửu lạc vong bản, vì đã có ý ngả nón thế nọ, thế kia từ trước. Tôi dọ dẫm

kiến thức đóng hộp của hắn về góc gác của bia. Hắn đáp ngay là qua công trình khảo cổ ở Ai Cập cho thấy khi những người nô lệ bị đi đày tới đây vác đá xây kim tự tháp. Họ được nuôi bằng *cháo trái cây*, không dè dẻ qua đêm thành...bia. Từ đấy, tôi tin thằng Bắc kỳ Hà Nội hết biết, tin...chết luôn.

Nhắc đến chuyện đi đày. Hắn sơ sịa qua chuyện thằng con đang vất vưởng ở Cao Bằng nên hắn đang tìm cách mang qua đây nhưng phải qua thủ tục...đầu tiên. Cho đến khuya, hắn uống bia như sáo tẩm. Sáng sớm, tôi đang cho vịt ăn thì hắn tới nói nhỏ là hắn...mất tiền, vì rõ ràng để trong túi xách mà không thấy. Tôi bỏ nhào vào phòng để tìm kiếm cho ra. Hắn nói với theo là có mất cũng không sao, của đi thay người ấy mà. Nghe lạ, ai lại của đau con xót mà vẫn tỉnh queo vậy. Tôi bò vào cả gầm giường vẫn không thấy gì. Đang rối tinh, lại nghe hắn nói cho hắn lên tỉnh ngắm...mấy chai bia cô. Tôi lắc đầu chịu không hiểu nổi, ve lọ gì trong cái lúc đang ngùng ngoùng như thế, cuối cùng tôi cũng phải công hắn đi. Ngồi trên xe, tôi chẳng mấy vui, và cũng đã nghĩ đến chuyện phải bù đắp cho cái thằng chết tiệt vô tâm, vô tứ để đầu quên đó này, vì dù sao tôi cũng là chủ nhà. Ông thấy tôi xử sự như vậy có phải nhẽ chẳng?.

Đến tiệm đồ cổ của một lão Đức già, hẳn cứ xum xoe với mấy cái chai mốc meo không biết chán. Hình như chai lọ có duyên với hẳn vì đủ loại cách đây cả 100 năm. Lại nhất là có cả một dàn bia của mình với bia 33, La ve Con Cọp, La ve Trái Thơm. Ra về, hẳn ngỡ ý với tôi là muốn mượn cái máy hình để chụp mấy...cái chai ấy. Vì nào có khác gì chuyện lòng lợn của tôi mà tậu “con Nikon”, ít nữa về thành phố của hẳn, hẳn *khuyến mãi* với khách hàng để lo thủ tục...”đầu tiên” cho thằng con. Ngồi trong xe, hẳn nòng nã mấy câu thành ngữ trong nước đang thịnh hành như: “San Miguel : *Sao anh nhớ mà ít ghé uống, em lo!*”, hay “Carlsberg : *Cho anh ráng lấy sức bé em ra giường!*” hoặc giả như: “Heineken : *Hôn em ít nên em khều, em nhéo*”. Giời ạ, tôi còn đầu óc với hơi sức đầu mà “khều” với “nhéo”? Mà chỉ nghĩ cái thằng này hơi chướng và ám quẻ tôi quá thể. Hôn ma nát thần tính, tôi hình dung đến một tương lai chẳng mấy sáng sủa cho lắm, là thằng ôn vật này ăn vạ ở nhà tôi cả tháng nữa thì vịt cũng ngòm củ tì vì không...biết bơi. Lợn cũng đột biến...chuyển qua từ trần như “bác” của hẳn vậy thôi.

Về nhà, trong khi tôi đang lấy cái máy hình trong ngăn kéo, hẳn tới, cười toe là vừa

tìm thấy tiền rồi. Mừng quá đổi. Hỏi thấy ở đâu. Hấn nói ở trong...gầm giường. Tôi nghĩ không ra. Như ông đã biết đấy, tôi bò ra bò vào trong ấy hai ba lần rồi. Hay là nhà có ma.

Trở lại tỉnh, ngồi trên xe hấn lại rọ rạy “Chỉ có *bia* mới hiểu bụng...mênh mông nhường nào - Chỉ có *bụng* mới biết...*bia* đi về đâu”. Sau khi chụp hình mấy cái chai thỏ tả. Không biết hấn mặc cả với lão già Đức bán cho gã mấy chai *bia* cở với giá *mềm* lúc nào tôi cũng chẳng biết nữa. Để rồi tôi bắt gặp hấn ở một góc tiệm, quay lưng phía tôi. Tay móc ví bỏ một mớ tiền lẻ vào túi. Đầu quay vội đằng sau. Mắt dáo dác nhìn quanh, vẻ không tự nhiên cho lắm. Diễn tả cho thật: Nói cho ngay, trông mặt hấn không...thật chút nào. Tôi biết ý quay đi, tự hỏi sao hấn phải làm như vậy, để làm gì, có giờ mới hiểu được cái bụng...mênh mông của hấn sẽ đi về đâu. Thưa ông.

Chiều hôm ấy cho đến sáng hôm sau trước khi hấn về, tôi không dấu được nỗi ngán ngẩm và ghẻ lạnh của tôi với hấn. Tiễn hấn đi cho khuất mắt, nhưng tôi phải đợi cái xe của hấn đang chờ lữ vệt của tôi dang nhờn nha lững thững qua đường. Rồi cái xe khuất bóng ở cuối tỉnh lộ. Tôi thở phào nhẹ nhõm như trút được gánh nặng và tự thâm nhủ:

Cánh cửa của quá khứ đã đóng lại. Bỗng dung có linh tính ập đến với tôi đến thôn người.

Bèn nhảy bổ vào trong phòng: Thôi rồi, cái máy hình không còn trong ngăn kéo nữa!

\*\*\*

Chuyện của tôi là như vậy đấy! Giống như cái chai bị rạn nứt trên kệ kia...Bây giờ ngồi với ông, tôi chẳng biết ngắm cái nhãn hiệu La de Trái Thơm đánh dấu những gì đã qua với một nhớ hay quên. Hay là hãy nhìn...

Vừa lúc cậu nghiên cứu sinh người Hà Nội, mang cái nôi ngồi trên cái cốc ra...

## NÓN LÁ ÁO TÔI RA QUÁN CHỢ...

Lần đầu về thăm quê nhà, bụng dạ cứ lao nhao làm như thiếu vắng giấc hương quan mẫn luống canh dài. Vừa lúc thằng bạn mèo mả gà đồng biết thừa bừa tôi có cần tu, chiều chiều ngồi không...tu tới những hai, ba chai lặn. Nên nó gọi điện thoại gửi gắm một gã bạn Văn Khoa của nó thuộc diện hẻm nào cũng biết, ngõ nào cũng hay, bảo đảm chẳng ế độ.

Cứ theo lời nó kể lẻ riêng khoản lý một lam, làm một ly gã thuộc dạng sáng say chiều sủn, hiểu theo nghĩa là nhậu tới bến. Ấy là chưa kể gã là dân Hán học, chữ nghĩa ngập rãng nên chuyện...chó gì cũng biết. Như khuyến với câu khác nhau cái khổ nào, gã ấy luận với thằng bạn tôi rằng: *“Khuyến là chó, không phân biệt kẻ quen, người lạ, gắp là sủa, nên chữ Hán, chữ khuyến tượng hình là con chó đang ngồi lè lưỡi. Câu là chữ Nôm, câu sủa có bài bản câu cú rõ ràng, gọi là sủa có văn. Vì thế chữ Nôm về con câu, cạnh bộ khuyến, còn thêm chữ “cú”, ngụ ý sủa ra câu cú có văn, có vận”*. Thế đây, thưa bạn đọc.

Thế nên với tôi như vậy là quá đủ cho một chuyện đi. Nếu có túc duyên gặp anh nhiều, anh khóa nho phong sĩ khí đầy người mà ngộ chữ với có túc là...không, không túc là không ...có, thì đi nhẹ về nặng, biết đâu gánh về được một bồ chữ cũng là cái hay. Số ruồi, chẳng may vợ phải ông hủ nho, hủ nút nát chữ như trấu chát với...vô chẳng, hữu có, khuyên chó, dương dê thì như thêm đũa thêm bát vậy thôi. Nói cho ngay, tôi chẳng nho nhe gì, chỉ biết vài mặt chữ chi, hò, giả, đã đủ để đọc dăm quân bài mặt chược. Đất sinh cỏ, già sinh tật, cái tật của tôi đã dốt lại hay khoe mẽ nên mới thành chuyện. Bạn đọc rên rầm rằng gì mà nhiều sự quá thể? Cần người đối ẩm trong đám nhân sinh này ư? Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu, cứ rủ nhau *nón lá áo tơ ra quán chợ, chén rượu men lành, lạnh ngón tay* là xong. Nhưng thưa với bạn đọc rằng thói đời lắm khi cũng gặp vận sự bất như ý...Chuyện là về đến nơi, điện thoại mới chớ phở ra là gã hành nghề...chạy taxi nên tôi có hơi...chuệnh choáng. Nhưng nghĩ lại cũng tốt thôi, vì Sài Gòn đầu đường cuối ngõ gã là thổ công thì ăn chắc. Vì vậy tim gan phổi phếo tôi được thể lại rồi rầm khôn tả.

Đón tôi trước cửa khách sạn, ngồi trong xe tôi ngó chừng gã, thực mục sở thị gã cũng bình bình, thuộc dạng gặp một lần là quên ngay. Nói vậy chứ cũng chẳng ngon soi cho lắm, bởi lẽ mới sơ giao không nhẽ hỏi đưa đi...ăn thịt chó chẳng tao nhân mặc khách cho mấy. Cây giống bóng của giống người, dòm bên đường thấy mấy tiệm “nhét đô răng”, tôi lâm râm vừa đủ cho gã nghe: *Trăm năm sông núi cũng mòn, nghìn năm bia rượu vẫn còn như xưa*. Gã chỉ âm ừ. Tôi bèn...văn dĩ tải đạo, bằng cách buông xả dăm khoen lơ mơ lỗ mỗ với gã như thế này đây:

*“...Hai thiên sư, một già một trẻ, thiên sư già Unsho phóng khoáng không bao giờ để ý đến giới luật. Thiên sư trẻ Tazan khắc kỷ, luôn luôn giữ giáo luật của nhà Phật. Một hôm Tazan từ Tokyo về nhằm lúc Unsho đang nhắm rượu với thịt chó. Sư già chào đón sư trẻ: “Thầy làm một miếng mỗi đưa cay chẳng?”*

*Tazan nghiêm giọng đáp: “Tôi không bao giờ ăn thịt chó”.*

*Unsho cười đáp: “Một người không ăn thịt chó, không uống rượu, không phải là người”.*

*Sư trẻ nổi sùng lên: “Thầy nói tôi không là người thì tôi là gì?”*

*Ông sư già cười tùm: “Một ông Phật...”.*

Gã cũng cười tùm rùng gã không phải là...Phật. Và lái lưa tiếp. Một lát sau ngừng ở chân cầu Thị Nghè, nhìn bảng ““nhét dô rãng” có tên *Quán Lá Mơ*. Tôi thở phào một cái, quãng gánh lo đi nhẹ lấy mình và ung dung tự tại nhập thế tục một chiều trên bến nước...

\*\*\*

Thò đầu vào quán tôi choáng ngay, bộp vào mặt là trên kệ sát cửa, bày hàng một dàn năm bình bự sụ. Bình nào cũng to đùng bằng cái nồi ba mươi có “thương hiệu” theo tứ tự với nhất xà, nhị xà, v..v.. Vừa để cái bàn tọa va vào ghé, mắt vương víu vào cái tam xà, chôm chia chữ nghĩa báo chợ, báo chùa bấy lâu. Tôi lêu bêu với gã ắt hẳn là ba con mang bánh, cạp nong, hồ trâu chi đây. Gã im thin thít. Chỉ cho gã cái ngũ xà, tôi khua môi múa mép chém chết là một mang bánh, một cạp nong, một hồ trâu, một rần ráo, một mai gầm...Gã lặng như tờ. Tôi lãng ba vi bộ với Kim Dung rằng Lam Phụng Hoàng cầm bát rượu *Ngủ bảo tửu* đưa Lệnh Hồ Xung. Rượu có ngâm năm con trùng độc là một con rần đen, một con rít, một con nhện, một con bọ cạp và một con trăn nhỏ bằng đầu ngón tay.

Gã hủ nho, hủ nút làm như không nghe vì quán xá đang âm ào, buông xả với

thịt chó như một di sản văn hóa lâu đời. Gã vẫy tay ới người phục vụ lo chuyện hậu sự... Thấy gã không mặn mà mấy con rắn cho lắm. Chợt nhớ hồi này ở trong nước đổi mới tư duy với cao trào mang công án Thiền vào quán nhậu. Vì cần thuyết phục nhau, thì "dùng công án Thiền dễ hiểu hơn nhiều". Như "Lấy đũa quơ trăng", "Thiền sư qua sông", "Quảng dao giết lợn xuống là thành Phật" cùng "vô minh", "vô ngôn", "vô thường", "vô ngã", "vô sở đắc", "vô sở trụ" rất rõ ràng, sáng tỏ. Như hỏi một nhà văn rằng vì sao anh ta cứ mài óc ra mà viết bài cho báo lá cải. Đáp: *Phật cũng chỉ là que củt khô thôi mà!* Hỏi tiếp: *Sao Phật lại là que củt khô?* Đáp: *Anh không biết công án Thiền à?* Thế là người hỏi cứng họng. Trao đổi với một nhà phê bình văn học khác: *Bài viết này của anh nội dung chả nói được điều gì.* Đáp: *Nói được cũng bị ba mươi hèo, không nói được cũng bị ba mươi hèo thôi ông ạ.* Bèn hỏi tiếp: *Ba mươi hèo ở đâu ra thế?* Đáp: *Thế là ông không đọc công án Thiền rồi!* Là xong.

Không nói chuyện rắn thì “khảo luận” về...chó với "vô sở đắc", "vô sở trụ". Nhìn ra con sông Thị Nghè đang lặng lẽ trôi...Chuyện thuyền trôi theo nước là tôi có ý đồ muốn khuấy mái chèo về con cún nhà tôi không ăn thịt mà chỉ ăn rau. Món khoái

khẩu của nó là rau muống nên tôi chắc mẫm kiếp trước nó là Bắc kỳ. Sau nó nhai giá sống rau rầu, tôi chắc như bắp luộc nó là Nam kỳ. Với khoản đậu rán thì nó hi xả trông thấy, nên tiền kiếp nó là một ông Phật chăng. Gã lác lác cái đầu. Tôi hỏi: *Thế là ông không đọc công án Thiền rồi*. Được thể tôi khùng khỉnh cọ đít nhồi với gã qua một công án về một ông tăng hỏi sư Triệu Châu: *“Con chó có Phật tính không”*. Triệu Châu đáp: *“Không”*.

Gã trầm ngâm, làm một hơi thuốc từ tồn thở ra...mây, và kể chuyện hoa rơi cửa Phật cùng nhang đèn hương khói như dưới đây và tôi cứ căng tai ra mặc sức mà nghe:

*“...Tôi không nhớ ông già tôi đã nuôi con chó Đốm con từ hồi nào. Chỉ biết mang máng là ông đã xin nó về nuôi từ lúc mới đẻ, báu vật của một ông bạn già ở xa nhà tôi khoảng mười cây số hương lộ. Vậy mà ông bạn cố tri ấy đành cắt khúc ruột của mình ra tặng cho ông già tôi. Thế đủ biết cái tình bạn nhậu giữa hai ông già thâm sâu, thấm thiết biết là dường nào.*

*Đúng là bợm nhậu theo kiểu giang hồ, ông già tôi quả là một dân nhậu khét tiếng từ Học Môn đến Bà Điểm với rượu đế Ông Già Ba Tri. Nếu không nổi danh như vậy ông đã không đến nổi bán vờ đợ con để về chui rúc*

*dưới mái tranh vách đất xập xệ, trông chẳng khác nào cái chòi nhỏ. Mái tranh cũ rạt không che kín đủ bên trong, lúc nào cũng như chờ đợi những cơn mưa dột ướt cả người ngòm. Còn cái tình cảm giữa ông bà già tôi mới thật là éo le. Chính vì ông già tôi là bợm nhậu nên bà già tôi không thể nào chịu được cái cuộc tình già chết này nữa. Bà đành một mình cự tuyệt ông già và lặng lẽ dắt hai đứa con thơ kéo nhau về cắm dùi ở cái thôn Quảng Phước xa xôi hẻo lánh để làm lại cuộc đời... ”.*

Vừa lúc người phục vụ xuất hiện, như thân quen từ trước, gã rì rầm nói cho cái bình da lươn và hai cái chén Tống. Tôi nghệt ra hỏi gã mình vào đây uống rượu rắn chứ...lươn lẹo gì? Gã lươn khươn rằng ấy là cái bình đất nung cho tới màu da lươn, để lâu lạp tinh thành màu gan gà nên còn gọi là ché. Ché đựng *Thập nhị xà nhất điều* gồm 12 con rắn là hồ mang, hồ lửa, rắn ráo, mai gầm, cạp nong, hồ hành, hồ hèo, rắn lục, liu điu, ri voi, ri cá, bông súng và nhất điều là...con bìm bịp. Như trên đã thưa gửi, tôi không có tướng lại có tính, tính hay khoe mẽ ấy mà. Nên tôi chộp giựt với chén Tống rằng cứ theo cụ Vương Hồng Sển, trước dùng để uống rượu, đến đời Thanh vì...tửu lạp vong bản nên để uống trà.

Lại làm như điếc đặc, gã cứ quân quýt với con chó nhà gã:

*“...Vậy mà ông cũng tìm ra được tông tích của ba mẹ con tôi rồi cũng rút binh về theo. Tuy nhiên cái tình mặn nồng ngày xưa không còn nữa. Cái nhà là của bà già tôi mua nên trên nguyên tắc ông già không có quyền ở chung. Túng quá ông phải tự làm lấy một cái chái nhỏ che đỡ mưa nắng, núp dưới bóng cây xoài to, sát bên bờ giếng làm chỗ trú ẩn, coi như tạm cắm dùi chung trên cùng mảnh đất, ở ngay sau cái chòi má con tôi ở.*”

*Hai người như hai cái tai của cái cối xay, người ở đằng trước thì kẻ ra đằng sau, người ở trong nhà thì kẻ phải ở ngoài hoặc ngược lại. Cũng chính vì cái nỗi buồn đơn độc này mà ông già tôi phải tìm cách nuôi một con chó làm bạn. Thoạt đầu ai nấy đều lắc đầu bởi ông già tôi ngoài cái chuyện nhậu nhẹt, ông còn là một tay mần thịt cầy nổi tiếng nên không ai tin tưởng vào lòng tốt của ông một khi con chó bắt đầu lớn. Ấy vậy mà mối tình thủy chung này lại kéo dài đến suốt cuộc đời của hai "người" còn hơn là mối tình lớn của ông với bà già tôi. Con Đóm hiện diện trong nhà tôi từ ngày ấy ở Trung Chánh Bà Điểm quê tôi này...”*

Vừa lúc người phục vụ mang ra đầy đủ đồ nghề với “cái trước để uống rượu, sau cũng để...uống rượu”. Thôi thì thượng điền tích thủy, hạ điền khan, gã nhắm món chả chìa trước cái đã. Chỉ cái bình tam xà chẳng con rắn chết tiệt nào nằm trong, gã râm râm tam xà không như tôi...hoang tưởng mà gồm “hồ mang, hồ lửa, hay mai gầm hoặc cạp nong”. Còn ngũ xà gồm ba loại trên thêm hồ hành và hồ hèo. Ấy là rượu rắn *Phụng Hiệp* ở đất Phong Dinh. Rắn được mổ bụng, bỏ hết, chỉ giữ lại mỡ và mật vì đây là hai vị thuốc trị liệt dương, đau nhức, táo bón và...phong thấp như ông già gã.

Và gã rần ráo về chuyện...ông già gã:

*“...Từ hôm ông già tôi âu yếm ôm con Đóm về nuôi đã gây ra một bầu không khí chộn rộn trong gia đình không ít. Má tôi vốn có tính không ưa chó mèo nên khi thấy vậy bèn hứ cho một câu chí tử "Cơm không có mà ăn còn đem chi cái ngữ ấy về nuôi, giỏi lắm được năm ba bữa nửa tháng là vô bụng". Bà thường nói trống từ trong nhà vọng ra cốt cho ông già tôi nghe cho bõ tức. Riêng anh em tụi tôi thì đặt nhiều dấu hỏi to tổ chẳng là không biết con Đóm con sẽ ăn uống thế nào khi con mắt còn nhắm rít.*

*Con lo lắng của ông già kéo dài mấy ngày trời thì đột nhiên bữa nọ, cả nhà bỗng thấy con chó mẹ không biết từ đâu lòi ra với bộ lông đen ngòm đang nằm xoài mình ra bên cạnh gốc xoài, thò mấy cái vú dài ra cho con Đốm con bú. Thế là vẫn nạn trước mắt được giải quyết ngay tức khắc nhưng sau đó ai nấy đều cảm thấy có một cái gì không ổn!...”*

Nghe đến mỡ và mật vì đây là hai vị thuốc trị liệt dương. Quên khuấy gã là anh nhiều, anh khóa, mồm mép tôi như tép nhảy về rượu chữa bá bệnh, tôi như mắc bệnh từ ám Hán tự với chữ “y” là thuốc, trong chữ “y” có chữ “tửu” là rượu đứng trước. Tôi hú họa gã bài cao đơn hoàn tán về thuốc rắn: *Ai bị phong thấp, ngâm sẵn hổ mang. Ai bị da vàng, tìm rượu hổ lửa. Đàn bà không chữa, chuốc lấy mang bành. Đàn ông hoạt tinh, đừng quên rắn ráo....* Tôi sơn đông mãi võ rằng con bìm bịp...có võ, nó bay xuống cắn rắn con bay lên cao thả xuống là rắn...chết tươi. Tôi hươu vượn là hai loại kỵ nhau như nước với lửa, lấy liệt hỏa mà khử trừ hàn tà để chữa bệnh...phong thấp. Tôi múa may thêm âm với dương là chân âm toàn thịnh, chân dương hữu khuỵ...là để chữa bệnh...hoạt tinh.

Gã nhìn tôi bằng nửa con mắt rùa và nhẹ nhàng lát phát rằng bìm bịp là chim rừng nhỏ hơn gà, lông nâu, đầu đen, đuôi dài, kêu...“bịp bịp”. Khi bị gãy chân, nó tự chữa trị lấy bằng cách đi kiếm lá bìm bìm hình chân vịt hay lá bìm bìm...xé ngón về đắp chân.

Gã lắc đầu, ngỡ gã lắc đầu về con bìm bịp bị gãy chân. Hóa ra không, gã lại âm i:

*“...Không bắt ổn sao được khi cả nhà tôi từ ông già cho đến má tôi đều tỏ vẻ ngạc nhiên là không biết tại sao với hơn mười cây số hương lộ, không chỉ đường cho con chó mẹ đi mà nó tìm ra được căn nhà nơi đứa con của nó bị "bắt cóc". Chẳng lẽ nó đánh hơi mũi tài tình đến như thế? Kế tiếp là nó phải vượt ruộng, vườn, khe rạch mỗi sáng cả đi lẫn về để cho con Đóm con bú, thử hỏi súc người cũng phải tiêu điều hướng hồ là súc vật. Thế mới biết cái tình mẫu tử con vật cũng thật là thâm sâu thâm sâu! Sau đó nó chạy ngược về thôn trong. Được mấy ngày, một buổi sáng, anh em tôi ra gốc xoài nhưng không còn thấy bóng dáng con chó mẹ đâu nữa. Người chủ cũ cho hay là nó đã biệt vô âm tín! Chúng tôi biết nó đã thật sự gặp chuyện chẳng lành ở...quán thịt chó đâu đó...”*

Không thông hanh lắm về ông bạn mới cáo cạnh này nên tôi phun ra chuyện chó Bắc, chó Nam, đến con rắn chữa bệnh...hoạt tinh. Qua những chuyện ấy tôi mới ngó ra gã là Nam Kỳ miệt vườn, tặng người nhật hoen hoét như nước lã ao tù như đã diễn tả ở trên. Nhưng cung cách uống rượu rất...nhất cổ nhì quái.

Gã bày hai cái chén Tống trước mặt. Cái cổ chén có hai cái tai là cái quái. Hai tay gã bung...hai cái tai lên. Vô tửu bất thành lễ, gã rót cho tôi trước, cho gã sau. Cái chén Tống “ngồi” trước mặt gã. Gã khẽ cúi đầu xuống cái chén hít nhẹ. Một động tác gần như, thoáng như có một chút nào trang nghiêm, kính cẩn của một tửu đồ đi tìm vô ưu, vô thường của tửu đạo. Sau đấy, cũng hai tay, gã đưa cái chén ngang miệng, mặt mày trầm ngâm, đầy rẫy tĩnh không, tĩnh lặng. Đang đắm chiêu qua chén rượu. Bất chợt gã ngửa cổ ực một cái nhẩn thín như voi uống thuốc gió, như nghi lễ uống trà của trà đạo, của thiền sư. Rồi...

Rồi khà một cái, vẫn khuôn mặt vô ưu, vô minh ngập u u minh minh, và trầm ngâm:  
*“...Con Đóm con bầy giờ lâm vào cảnh mồ côi. Nhà nghèo nên đừng gì ăn nấy, càng ngày càng đèo đẹt nhỏ thỏ, trong khi các con chó hàng xóm cùng bầy lớn lên phổng phao*

*thấy rõ! Thiếu tình thương của mẹ, Đóm càng ngày càng bị ăn hiếp, càng quắt lại không sao lớn nổi. Không được mẹ liếm láp cho thường xuyên, lưng nó bị đóm ghẻ nhỏ biến thành lác. Tháng ngày qua đi, chó con hàng xóm chúng bắt đầu ăn cháo thêm bù vào ngoài khoản cai bú sữa mẹ. Nhưng thảm thương cho Đóm chẳng bao giờ nó được bữa no, vì bị lũ đồng loại lớn con đẩy bắn ra ngoài khi Đóm len vào xin ăn. Những lúc ấy nó hận lắm, rít lên trong cổ những điều nguyên rủa, nó thề rằng nó sẽ trả thù...”*

Nói cho cùng, tôi cũng là thằng mềm môi uống rượu mề bát thiên hạ, nhưng thú thực chưa được nếm cái thứ rượu quái quỷ này đây bao giờ. Gã hỏi tôi uống...đạt không? Tôi gật gù. Và gù gật tiếp là gã nói chuyện rần trong lỗ cũng phải bò ra. Gã im im. Lặng im.

Chơi voi trong cảnh chiều, cái đầu tôi bông bênh trên sóng nước của con sông trước mặt với *trừu đao đaoạn thủy, thủy cánh lưu, cử bôi tiêu sâu, sâu cánh sâu*. Buồn buồn tôi nhấp từng ngụm nhỏ. Gã bê cái ché rót vào chén, vừa rót từ từ gã vừa liu điu tiếp:

*“...Sau nhiều ngày, nằm gác mõ buồn hiu suy nghĩ, Đóm bèn "ngộ" ra rằng, muốn trả thù thì phải lớn con. Nhưng sữa mẹ không được bú, cháo chó cũng chẳng được ăn, thì ăn gì*

mà lớn!? Đóm lang thang trong sân, thấy cu Tí em tôi đang làm việc bài tiết, đói bụng quá, Đóm làm liều, làm tới xoi trợn chỗ cu Tí vừa thải ra. Đó là lần đầu tiên Đóm ăn bần, người ta bảo cái gì lần đầu cũng khó khăn, còn những lần sau thì quá dễ. Miệng Đóm đã quen ăn bần, thế là từ đó, Đóm xục sạo khắp nơi, chỗ nào có người bài tiết là Đóm làm nhiệm vụ dọn bãi, tranh thủ cho đầy ruột. Mà không hẳn là phân người, đến phân gà, phân heo Đóm cũng không từ. Vì ăn bần quá, bụng Đóm càng phưỡn ra với cả núi giun sán. Có nhiều ngày Đóm ói ra mật xanh nanh vàng, kinh khiếp không thể chịu nổi... ”.

Kể đến đây, gã khuôn chén rượu làm cái “chóc” sạch banh như uống nước rau luộc. Rồi gã mới hừ một cái rằng kiến trong lỗ cũng phải bò ra vì...rắn không có tại. Mật tôi như bát tiết canh sũng nước và vênh tai ra nghe chuyện rắn rết bò vào, cóc nhái nhảy ra: “...Thân thể Đóm hôi hám, lông sơ xác bờm xồm, lỗ chóc hàng xóm càng tránh xa. Mỗi khi Đóm đến bên bà già tôi, nó bị bả xua đuổi dữ dội. Đóm hận đời, hận cả loài người hận cả loài chó...những mặc cảm thua thiệt từ thuở thiếu thời đi sâu vào tiềm thức nó. Nó quan quánh với dự định báo thù, nhưng một mình sức yếu, Đóm chẳng làm gì được ai trong gia đình tôi cả. Mỗi khi ai trong gia tộc Đóm đi

*ngang qua ả, ả nhe răng trợn mắt ra gầm gừ đe dọa...ngày tháng trôi qua, mặc cảm cũng đi theo Đóm vào tuổi xuân thì cùng hoa lá cành.*

*Dù gì thì Đóm cũng vẫn là động vật bình thường, nó vẫn mơ về một anh chó đực đẹp trai để cùng nhau mơ mộng duyên đầu. Nhưng anh chó đực nào cũng xa lánh vì cái thân thể nhỏ thó gầy gò và hôi hám vô cùng tận của Đóm. Những khát khao xuân tình không được thoả mãn, Đóm càng hận đời đen bạc, hận kẻ bạc tình..”.*

Vừa lúc đĩa chả chia vàng ươm, thơm diếc mũi đưa ra. Chẳng thiếu lá mơ xanh tím, lát củ riềng thái mỏng trông thật bắt mắt, làm lục phủ ngũ tạng cứ nhiều nhưng cả lên, vì là trông đĩa thịt thấy đẹp một cách...điều đúng. Tôi thầm nhủ nào có ăn không thì bảo nhưng nghĩ sao lại thôi vì dầu gì gã cũng là khách nhậu của tôi hôm nay thuộc diện chó đen quen ngõ. Cứ như thằng bạn đời tôi tiền cử thì trời nắng chó trắng, trời mưa chó vàng gã làm tuốt luốt. Thảo nào gã chẳng vội gì, nhón một lá húng thật tươi bỏ vào miệng nhóp nhép. Gã nheo mắt nhìn tôi ra cái điều trước sau...chó nào chẳng ăn cứt, ốc nào chẳng ăn bùn. Và rì rầm cứ như tụng kinh trước khi trai tịnh:

“...Ở đầu thôn có một con chó già, đã bị xà mầu lâu năm, nay nó đã yếu lắm, mắt luôn đỏ ghèn và đi cà nhấc. Có lần Đóm ghé qua thấy vậy, bèn nhủ lòng là: "Có lẽ duyên phận mình buộc vào chỗ này đây!" Và quả như vậy thật, khi có những dấu hiệu của giống cái xuất hiện, Đóm đã đến nằm bên lão chó già kia gạ gẫm dăng hiến. Lão chó già lâu ngày bị bỏ rơi, cô đơn tận cùng, nay của "giời cho" nên rất vui mừng đón nhận cảnh giới ấy. Đóm tự dưng mượt mà hẳn ra, còn lão chó già thì dường như trẻ lại, lão thương Đóm vì Đóm đã đến cứu nguy đời sắp tàn phai của lão! Đóm lớn lên và trông "đẹp gái" ra trông thấy.

Ông già tôi cũng nó hơn cả tôi với thằng Tý vì khi ông say sưa chỉ có nó làm bầu bạn. Nó quán quít bên ông như hai cha con, còn tụi tôi phải ngủ với má vì không chịu nổi cái mùi rượu nồng nặc đến chết người. Ác thay một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày thì ông say đến hết một nửa, bữa say bữa tỉnh khiến ba mẹ con phải ra bờ rào trái chiếu ngủ mặc cho gió sương, mưa bão hoặc rắn rít, bò cạp đêm hôm có bò tới làm thịt nên cũng đành đành chịu!...”

Chòm chòm qua “rao” đầu. Gã rút cho cả hai. Bắt chước gã, tôi cũng hai tay thành khăn

bể cái chén Tổng ọc một quả ra trò như cụ Phan Thanh Giản uống thuốc độc. Gã hỏi tôi sao cứ uống mà không nói chuyện gì sất cả. Như gã đúng chỗ ngựa, tôi ực tiếp cữ thứ ba. Quả có khác, tôi thấy cái say lừ đừ từ chân tóc bò xuống tận gót chân. Xong, mượn dịp này tôi ư hử sỏ nho: *tửu phùng tri kỷ thiên bôi tửu, thoai bất đầu cơ, bán cú đa ra cái điều gặp bạn như gã rượu uống bao nhiêu cũng thiếu và nếu tôi có nói nửa câu cũng là nhiều. Sợ gã hiểu ra là túy ông chi y bất tại tửu*, tôi nói chữa *tửu vô lượng, bất cập loạn*.

Mà gã hiểu làm thật, ngỡ tôi nhắc khéo là ...hết rượu, gã ới thêm cái *Cửu xà nhất điều*. Mắt tôi tròn dẫu hỏi vì bộ rắn chùa hay sao mà nhiều quá thế, lại thêm chín con nữa. Gã bâng quơ rằng cứ bỏ ba con của thập nhị xà là xong ngay. Và rắn rết như thế này đây:

*“...Một năm, ruộng lúa bị mất mùa, chẳng ai gặt hái được gì nên cái nghề sửa xe đạp trong làng của ông già tôi cũng sa sút theo, ít ai còn muốn sửa xe đôi lúa nữa. Ông già tôi phải chịu đựng bữa đói bữa no, có lúc ăn cháo thay cơm, có lúc ăn rau thay cháo. Cuộc đời của con Đóm cũng thặng trầm theo cái vận mạt của chủ nhưng không bao giờ thấy nó thở than, tru tréo. Ngược lại ông già tôi dù đói cách mấy vẫn không có ý nghĩ làm thịt con Đóm mặc dù nó đã lên hai tuổi và dư đủ cho ông già tôi có một tuần xẻ thịt nhắm*

*rượu. Đủ để biết cái tình thương ông là đường nào, có khi ông còn nhịn đôi chừa com cho nó ăn nữa là khác!...”*

Gã ngừng kể lể... Tôi thấp thỏm đợi vì cứ ngỡ khi gã kể lể đến khúc “*đủ cho ông già tôi có một tuần xẻ thịt nhắm rượu*” thì thế nào gã cũng làm vài miếng chả chìa vàng ương, đang ngậy thơm điếc mũi. Thế nhưng không, gã nhẹ nhàng nhắc chén cữu xà nhất điều lên với một phong thái rất u Lão Trang: Khoan thai xoay xoay cái chén, đưa lên từ từ và cúi đầu xuống nhẹ hít hà... Đợi hơi rượu lớn vồn, thanh thoi chui tọt vào lục phủ ngũ tạng, tim gan tì phế rồi điềm đạm từng ngậm nhỏ. Mép khê nhếch câu nho phong: *tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiếu*. Gã thông thả đưa cái chén xuống. Cùng lúc mời điếu thuốc, lò đờ nhả khói và nói xa gần, xa vắng với tôi là “*thiên bôi thiếu*” chứ chẳng là “*thiên bôi tửu*”.

Tiếp, khaon thai đưa cái chén Tống lên ngang miệng và cũng từng động tác chậm chạp ấy, không thừa không thiếu. Gã uống lặng lẽ như một cái bóng, càng uống càng tỉnh, mặt không hề đổi sắc. Gã vật vờ uống, càng về chiều, hình như càng đắm chìm trong khói thuốc lá dày đặc và chẳng quên câu chuyện dở dang:

“...Nhưng với thời gian, tính Đóm càng ngày càng hung hãn, nhất là khi nó thai nghén và sắp sửa ở cũ, nó cắn răng nguyên rửa lão chó già vô cùng độc địa. Với tính khí thất thường của Đóm, lão cũng không chịu nổi, mấy lần lão tính bỏ đi, nhưng nghĩ tình xưa nghĩa cũ nên ráng cắn răng chịu đựng. Đóm dù bụng mang dạ chứa, song vẫn thúc lão chó già gậy hán củng bạn bè gần xa của Đóm. Con Khoang là kẻ đã từng bị vợ chồng Đóm bẻ hội đồng cắn gãy chân, toạc cổ, may mà có cu Tý cứu kịp. Bầy chó hàng xóm kiêng mặt vợ chồng Đóm, không muốn nhận vào làng chó, vì chúng đi đến đâu là nơi đó có chiến tranh!...”

Nghe gã kẻ lẻ “ông già tôi dù dơi cách mấy vẫn không có ý nghĩ làm thịt con Đóm” tôi để cái đầu đầy đưa: Rằng tôi là thằng ăn thịt chó lòn môi với mưa nắng làng nhàng chó nào cũng được. Vừa lúc nhà hàng bày lên đĩa sườn nướng từng miếng bằng ngón tay, vừa nạc vừa mỡ, thịt như còn xèo xèo cháy chín vàng như nghệ, mỡ giỏ xuống bốc khói thơm điếc mũi. Ấy vậy mà gã cũng chưa chịu đựng đưa cho. Tôi đành bậm bụng ngồi đợi gã...nhai xong chuyện. Gã thả rong chuyện chó cũng giận hờn, cũng tham, sân, si này kia. Tôi thờ ra nghĩ quán rằng gã chỉ là tên uống rượu bát nháo, rượu vào lời ra rồi

bốc nhằng cho sượng miệng thế thôi và gã vén môi chuyện ghen tương của chó mới ngượng đời:

"...Một bạn gái của Khoang, Mực là một mụ chó nạ dòng thì nghĩ khác, mụ cũng đã từng bị Đóm đuổi theo cắn một lần vào móng nên mụ hận Đóm lắm, mụ rắp tâm triệt hạ Đóm cho bằng được. Chuyện trở trêu là lão chó già kia có thời là..."người" tình của mụ Mực, mụ bèn dùng mưu "rút củi đáy nồi", nên tìm cách đến gần lão chó già khi có thể được. Ngày kia, lão chó già cãi vã với Đóm bỏ ra ngoài xóm rong chơi, được thể Mực bèn làm quen và quyến rũ lão. Lão mừng rỡ theo Mực. Sau cơn giận, Đóm tức tưởi đi tìm chồng, thì than ôi "kim rơi đáy bể biết tìm nơi đâu?", Đóm chạy lòng lộn đầu sân cuối xóm, bày chó làng nhìn Đóm như con chó biết ghen tương với cặp mắt long sòng sọc, rầy rớt chảy hai bên khóe miệng.

Cái cảnh đằm ám giả tạo giữa vật như người này kéo dài hơn hai năm. Một bữa nọ sư cụ chùa làng cách nhà tôi dăm cây số quá bộ đến thăm, thấy con Đóm xơ xác bèn đem lòng trắc ẩn muốn xin về nuôi. Tôi nghĩ con Đóm được ở giữa cảnh chùa thanh tịch, nhưng đầy ắp tình thương của sư cụ, cũng như được chăm sóc cơm nước no đủ mỗi ngày, con Đóm thế nào cũng được hưởng một cuộc

*sống ngon lành, thế nhưng ông già tôi không chịu...”.*

Tôi nhấp nhòm định gấp một miếng thịt nướng thơm nãy trước mặt, kèm theo lá mơ chấm với mắm tôm chanh đường vừa chua vừa mặn, thì giời đất ạ, tôi nghĩ là ngon quên chết. Vậy mà gã vẫn nhin như nhin cơm sống, vẫn chưa chịu khua đũa đụng bát.

Ngồi đồng đã lâu, tôi nhắc chén rượu hỏi gã 12 con rắn với 9 con rắn thứ nào ngon hơn. Gã gật gật cái đầu nhắc chén lên. Tôi nghĩ thầm gã Nam Kỳ này hơi...Không để tôi nghĩ tiếp, gã thủng thảng với chuyện con chó nhà tôi...“ăn chay” nào có hay ho bằng chuyện con chó ở chùa của ông già gã qua Tết Mậu Thân:

*“...Sau Tết Mậu Thân, giặc cộng tràn về làng và đánh nhau với quân đội quốc gia. Chòm xóm cho hay con Đốm bị đạn lạc nằm sau gốc cây xoài, khi cả nhà đi di tản xuống Sài Gòn. Cuối cùng nó bị ném ra bờ sông, hơi nước bốc lên khiến Đốm hồi tỉnh lại, nó nằm rên lên những tiếng bi ai, cuộc đời của nó như khúc phim quay qua đầu, nó oán hận loài người đã đẩy nó vào bước đường làm ma không chồng. Nhưng nó chỉ bị thương và cái thai bị hư được đẩy ra ngoài. Nó úa nước mắt nhìn dòng sông, dòng đời lững lờ trôi qua mồm nó.*

*Chợt có tiếng bước chân rất nhẹ đi đến bên Đóm, nó thấy một người mặc áo nâu nhìn Đóm, và ẵm nó lên. Lần đầu tiên trong đời Đóm thấy có cảm giác không phải hận thù, mà là ấm áp trong lòng! Đóm không biết cảm giác gì! Vì cả đời nó chưa biết thương yêu bao giờ đâu? Người ẵm Đóm không ai ngoài sư cụ chùa làng, sư cụ mang Đóm về Tự Viện. Sư cụ tự tay mổ vết thương và gấp đạn ra cho Đóm và băng bó khâu lại vết thương cẩn thận...”.*

Đảo mắt ra ngoài bờ sông, gió sông hiu hiu thổi...Tôi ung dung tự tại hết nhìn đến ngắm những lát thịt cháy vàng mỏng, cắt xéo như miếng chuối xanh, ngào ngọt thơm phức. Thấy cả nạc, mỡ, sụn, gắn bó với nhau những nòng ảm, thân thương của một cõi đi về.

Bốc lên, tôi nói chữ với gã uống kiểu *chén thù chén tạc* là uống hai người: chủ và khách. Bên chủ là bên "tạc" có nghĩa là...chúc mừng. Bên khách là bên "thù". Chẳng thù hằn gì nhau đâu mà...bắn nhau để con chó của ông già gã bị thương, mà có nghĩa là...uống đáp lại. Thế là tôi...*thù* ngay. Ưc thêm dăm chén, thấy ngất ngậy những khoảnh khắc của tang bồng hồ thi. Hết chén này qua chén khác, mặt tôi như quả mận chín,

khô một nổi gã vẫn chưa chịu gấp mồi đưa cay. Sau vài cữ nữa, thật sự tôi đã thấy hơi men bốc khói trên đầu. Gã thì không, đôi mắt lạng lờ nhìn vào cái chén Tổng hồi lâu rồi làm một hớp hết nhẵn *ba vạn thế giới một đáy cốc, vạn kiếp luân hồi một sát na.*

Xong, gã da diết chuyện tang thương ngẫu lục của con Đóm nắp bóng thiên môn:

*“...Mười ngày sau Đóm khỏi, nhờ tâm từ bi của sư cụ. Nó chẳng còn chỗ nào để về, nên ở lại chùa, hàng ngày sư cụ ăn gì thì chia cho nó một phần... Kể từ khi con Đóm bị đổi chủ thì ông già tôi lại đâm ra mắc bệnh tương tư. Không phải ông tương tư người đẹp nào trong thôn để thay má tôi vì chẳng ai thèm để ý đến ông già say, mà thật ra là ông tương tư con chó. Ông nhớ thương nó như người ta thương nhớ một người yêu, mặc dù quanh ông còn có hai anh em tôi quần quít hàng ngày nhưng ông vẫn cảm thấy hết sức cô đơn.*

*Ông không là một nhà tu nhưng y hệt một nhà tu, thường ngồi xếp bằng trông như...”* thiên”. Có khi tụi tôi thấy ông khóc một mình, không biết vì ông nghĩ ngợi cái tình cảnh dở khóc dở cười của gia đình hay vì ông quá thương con chó. Nhưng tôi nghĩ chắc ông nhớ con Đóm vì nhiều lần tôi

thường nghe ông nói "Phải chi tao còn con Đóm, tao sẽ đỡ buồn hơn".

Từ đó ông sinh ra cái tật đi câu cá để giải sầu. Mỗi lần ông xách cái cần với cái giỏ đi câu là tự nhiên ông thơ thới hân hoan mặc dù có lúc về với cái giỏ không. Tụi tôi ban đầu lấy làm lạ nhưng sau đó hỏi ra mới biết ông đã gặp được...con Đóm...".

Nghe đến câu...ngồi xếp bằng trông như..."thiền", cái miệng tôi nhóp nhép rằng gã kể chuyện như...vẽ rắn thêm chân ấy. Gã khựng lại. Lại lơ đãng nhấp một ngụm nhỏ. Khứa đây diễm xuất hơi nhiều, lúc thì ực, khi thì nhấp, chỉ thiếu cái ho khan là có bài bản. Nếu gã có phải vén môi dường như có một chút nào lơ là, buông thả. Tôi vừa nghĩ vậy và cũng vừa định chấm miếng thịt nướng vào bát mắm tôm ngập ớt đỏ...Chưa cầm cái đũa lên nhét miếng thịt vào kẽ răng ba ngày vẫn còn thơm...Vì...

Vì tôi lại bù đầu tóc rối chuyện con Đóm về chùa:

"...Số là con Đóm từ ngày về ở với nhà sư, nó quen với cảnh chùa nên không về lại nhà tôi nữa. Ông già tôi tìm cách đi câu bên dòng sông ở phía sau chùa để có cơ nhìn mặt được con Đóm. Con Đóm quyến luyến chủ cũ nên quán quít bên ông già tôi, nó hôn, nó

liếm, nó nhảy phóc vào lòng ông già như đứa bé con tìm vú mẹ. Thế là ông già tôi tự nhiên tìm lại được niềm vui. Ban đầu, mỗi lần đi câu ông thường về nhà sớm nhưng về sau ông ở lại câu khuya hơn, nhất là những đêm trăng thanh gió mát, với bầu rượu bên cạnh và con chó cưng, ông thấy đời không còn gì đẹp bằng. Ngồi thỉnh thoảng móc mỗi câu, quăng cái tằm xuống nước, đàn cá đua nhau giựt giựt cái phao, lúc nổi lúc chìm, con Đóm phụ họa nhảy lớn vờn, sủa cá sủa trắng, trông cả hai chẳng khác nào đôi bạn thân tình nhất.

Lúc đầu con Đóm sợ sư cụ nên chỉ tìm cách trốn ra bờ sông mỗi chiều rồi lại trở về chùa. Sau đó nó bạo gan hơn, mon men theo ông già tôi về đến tận nhà, chơi qua loa với tụi tôi chừng nửa tiếng đồng hồ rồi quay về, để lại nỗi vui mừng hụt nơi anh em tôi. Mấy ngày sau đó, nó bắt kể sư cụ với cơm lành canh ngọt ở chùa, về nhà tôi ở luôn. Báo hại sư cụ mỗi mắt đi tìm mới gặp nó. Nhìn thấy sư cụ, nó có vẻ thẹn thùng cúi gằm mặt xuống, chẳng tỏ vẻ gì mừng rỡ cả. Về sau ông già tôi thấy áy náy nên đành phải mang con Đóm trả lại chùa. Sư cụ vui vẻ nhận, nhưng mấy chú tiểu muốn cho chắc ăn nên xích con Đóm lại để canh chừng ở một góc bếp, sát bên cây thị quanh năm nở hoa trái vàng óng thom lừng... ”.

Gã thò tay vào cái đĩa môi và miệng thả rong là...vẽ rắn thêm chân là của Tàu, còn Ta là ...vẽ rết thêm chân. Tôi cũng khựng lại như gã vừa rồi. Nhưng mắt còn bận bịu theo ngón tay gã nhúm...cái lá mơ và để đó không chịu chém to kho mận ngay.

Tay tung tủy cái lá mơ, giọng gã đều đều:  
 “...Bằng con Đóm không được về thăm nhà nữa. Ông già tôi ngày càng già, không đi câu xa ở bờ sông nên không còn gặp nó. Có thể vì bị giam lỏng nơi cảnh chùa u tịch nên nó chẳng thể nào về, có thể nó biết thân phận nó là của chùa nên chẳng dám làm phiền ai. Cũng có thể nó đã già như ông già tôi và chết rồi không chùng. Riêng anh em tôi bây giờ tôi đi học ở Sài Gòn, em tôi đi lính, ít có dịp về lại quê xưa chỉ trừ khi Tết nhất đến, nên cũng chẳng để ý gì chuyện con Đóm nữa. Một trang tình sử tưởng đến đây đã hết, nào ngờ...

Xuân năm ấy, đúng mùng một Tết, trong lúc anh em tôi đang quây quần trong nhà đón xuân lúc đất trời vừa ửng nắng mai, bỗng nhiên con Đóm già từ đâu tung công vườn khép kín đi vào ngoe nguẩy đuôi mùng rờ. Vẫn bộ lông mềm mại nhưng không dấu nổi màu sắc tàn phai vì mưa nắng. gương mặt

*con Đóm tuy vẫn còn khuất trong đám lông rậm rịt nhưng vẫn không che kín được lớp da nhẵn, nhất là ánh mắt không còn tinh anh như ngày trước nữa. Ông già bà già tôi bảo nó xông cửa đầu năm chắc là may mắn. Cả nhà ai cũng ngạc nhiên vì không ngờ nó chọn đúng ngày mùng một Tết mà về sau hơn mấy năm xa vắng...”*

Đêm khuya thoi thóp, khách khứa lác nhác vắng dần. Cạn lưng chén, đầu tôi như bốc khói. Khi bốc lên rồi mỗi thẳng một thối, thẳng thì nhè, thẳng thì thẳng. Riêng tôi thường để hồn đi hoang phiêu phiêu một cõi. Quán vắng nên trống trải, ánh đèn trở nên âm cúng. Nhìn xuống chén Tổng chỉ còn một nửa, lắc lắc cái chén, rượu óng ánh như sương khói. Trống vắng đến xe lòng, ai chẳng có những giây phút lướt lướt, liêu xiêu...Làm như thân thiết, tôi cảm hoài, cảm khái với gã viễn ly vô lượng kiếp, bất xích nhất sát na, và ngựa mồm giảng cho ông đồ nát chữ là bằng hữu dù xa cách nhưng thật gần. Gã cũng đăm đăm với cái chén, tay xoay xoay. Làm như muốn tránh né cái cảnh *trương kiến thời nan biệt diệc nan*, là gặp nhau đã khó, già biệt nhau còn khó hơn. Thế nên gã xuội lơ trông thấy:

*“...Tôi ôm con Đóm già vào lòng vuốt ve, và qua nó, biết được cuộc đời đã đổi thay nhiều*

*lắm. Nó ở nhà tôi chơi hết một ngày mừng một Tết rồi lại trở về chùa suốt năm ở đó.*

*Xuân năm sau, anh em tôi bị kẹt không về thăm nhà được. Bà già tôi cho hay mông một Tết, con Đóm lại xông cửa về thăm chủ cũ thêm một lần nữa. Tôi thấy lòng băng quơ rung động, tự nghĩ như con Đóm có mối liên hệ tiền kiếp nào với gia đình tôi, sao không nó cứ đợi đến ngày mông một Tết lại về? Ông già tôi ngày càng già, bệnh tật liên miên vì chứng xơ gan do rượu hoành hành nên lúc nào cũng tưởng nhớ đến con Đóm. Con thú già bí ẩn, mỗi năm chỉ gặp mặt nó có một lần vào ngày Tết.*

*Nghe nói hàng đêm con Đóm nằm nghe sư cụ tụng kinh Địa Tạng, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa ...Lời kinh như thấm vào trong não tuỷ của nó, những mặc cảm của nó từ xưa dường như tiêu tan hết. Đóm say tiếng kinh, mê ngửi mùi hương trầm thoảng nhẹ trong gió. Đóm thường nằm sấp trên đất, hai chân trước chắp lại đưa ra trước mõm như người ta lạy Phật. Khách lễ chùa đồn nhau về con chó nghe kinh, một đồn mười, mười đồn trăm, chẳng mấy chốc cả vùng Trung Chánh, Bà Điểm đều biết chuyện, biết tên Đóm!*

*Tôi há hốc mồm ra nghe. Trong khi gã bình thân đưa cọng lá mơ vào miệng nhay*

nhay. Gã hóp thêm ngụm rượu như cá riếc tớp bong bóng nước. Tôi trộm nghĩ phong cách gã uống rượu đúng là một thiền nhân, đưa nho ẩm như một cái thú tiêu dao của trà đạo vào tửu đạo. Lúc trầm mặc khi hào sảng tửu tràn với *bồ đoàn linh nhân dã*, hay tửu uyển với *tửu linh nhân viễn*.

Trong khi ấy mặt gã như nước ao tù và âm ừ:

*"... Cho đến một đêm, Đóm nằm mơ thấy có tiếng nói với nó rằng: "Nghiep làm chó của người đã trả hết rồi, mai người xả bỏ thân súc sanh để hoá kiếp làm con người tử tế! Có điều khi làm người người phải tiếp tục tu hành, đừng ăn càn nói bậy gây nên khẩu nghiệp, thì sẽ được hạnh phúc tự tại. Vì kiếp trước người gây nghiệp quá nhiều nên kiếp này quá nhiều khổ ải! Nhưng nhờ có được sự cù trừ trì tụng kinh rồi hồi hướng cho người, nên nay người hết nghiệp chó rồi!"*

Sáng hôm sau, mọi người thấy con Đóm nằm chết ở trước bàn Phật thật thanh thản! Mộ của con Đóm được người làng đắp ngay tại vườn chùa với hàng chữ trên bia: "Văn Kinh Đóm Khuyến Chi Mộ", nghĩa là "Mộ con chó Đóm biết nghe kinh".

Năm sau, ông già tôi cũng theo nó về tuổi vàng! Anh em tôi mồ côi cha kể từ dạo đó...."

Khi không bụng dạ cứ lao nhao làm như thiếu vắng giấc hương quan mẫn luống canh dài vói...sườn chó nướng hay chả chìa thì sượng mê toi ngày. Chả nhẽ nhong nhóng ngồi ăn một mình, tôi đợi gã cầm đĩa...Trong khi chờ đợi, tôi định ngâm nga *bằng hữu thôi thà như mưa bay, thì chuốc cho voi chén rượu đầy*.. Nhưng nghĩ lại chưa đủ thân nên quẳng hai câu thơ trong đầu ấy đi và định hỏi gã một câu hỏi, Cũng chỉ vừa định thôi... Thì...

Thì cũng vừa lúc gã cạn chén và cầm đĩa lên gõ nhẹ nhẹ vào cái chén và thở ra...

Gã thở ra một tiếng dài: Kể từ ngày ấy, gã không...

\*\*\*

Cũng đến lúc phải tương kiến thời nan biệt diệc nan. Ra đến cửa cả hai chụm đầu vào nhau đốt thêm điếu thuốc cho bằng hữu thôi thà như mưa bay. Que diêm lóe lên. Thôi thì cũng một lần nón lá áo toại ra quán chợ, chén rượu men lành, lạnh ngón tay: tôi ghi lại dấu ấn về gã thì chỉ biết đó là một khuôn mặt như mọi khuôn mặt và không giống bất cứ một khuôn mặt nào đã gặp. Lửa tắt. Tất cả những gì tôi ghi nhận chìm vào bóng tối....

Xoẹt que diêm thứ hai. Tôi hình tượng lại khuôn mặt gã uống rượu thoảng như có vẻ thanh thoi, nhàn nhã của một thiền nhân, một tửu đồ đi tìm vô ngã, vô ưu của tửu đạo. Và gần như trong tĩnh không, tĩnh lặng của thiền sư với trà đạo. Tôi hỏi gã câu hỏi vừa rồi, nhưng chỉ vừa định thôi thì gã cầm đũa lên gõ nhẹ nhẹ vào cái chén...Rít một hơi thuốc, nhả ra khói, tôi thắc mắc là có sự gì gã lại dừng...chén Tổng uống trà để...uống rượu.

Ánh sáng tắt ngúm. Quán xá vắng tanh vắng ngắt, gió máy heo hút ngoài sông gây gây lạnh. Búng que diêm xuống mặt nước...Gã quay qua hỏi tôi cũng vừa đủ nghe là làm sao tôi biết gã uống...rượu?

Và đầu óc tôi cứ rỗng rênh thế nào ấy!

*Ghi chú : Bài viết được dựa dẫm vào những tác giả Nguyễn Sĩ Nam, Nga Mi, Mùng Giang, Vũ Khắc Khoan, và Phan Tấn Hải.*

## VỀ BÀI THƠ HỒ TRƯỜNG

*Những bài viết dưới đây được sưu tầm, trình bày và thu gọn vì văn bản có nhiều đoạn giống nhau của những tác giả viết về bài thơ Hồ Trường - Người sưu tập xin cáo lỗi cùng tác giả.*

*Phi Ngọc Hùng*

### ***Bài thơ Hồ trường và Nam phương ca khúc Phạm Thăng Vũ***

Cho đến nay, có ít nhất 5 bản in lời ca *Hồ Trường* (1) mà các bản có nhiều chỗ không giống nhau. Để góp một phần tài liệu cho sự tham khảo, đối chiếu được rộng rãi chúng tôi trích lục các văn bản bằng chữ Hán, chữ Việt đã in trên *Nam Phong tạp chí* – nơi xuất xứ của lời ca này – cách nay đã 86 năm đối với *Nam phương ca khúc* và 84 năm đối với *Hồ Trường*.

Trong bài viết này chúng tôi quy ước như sau: Gọi *Hồ Trường* đối với lời ca tiếng Việt đã lưu hành từ trước tới nay. *Nam phương ca*

*khúc* là tên tạm đặt cho lời ca mà Nguyễn Bá Trác đã nghe được, chép lại và dịch thành lời ca Hồ Trường.

丈夫生不能披肝折檻爲世扶綱常道遠四海胡爲乎此鄉間頭南望邈無極兮天雲一色徒蒼蒼立功不成學不就少壯有幾辰兮坐視百年身世驅陰陽撫掌狂歌問斯世茫茫天地安得知一知已兮試來對酌予觴予觴擲向東溟之水萬險起狂淵予觴擲向西山兩西山之雨一陣何汪洋予觴擲向北風去北風揚沙走石飛殊方予觴擲向南天霧霧中有人開口飲蓮然醉天地宇宙渾相忘予不醉矣予行予志男兒自古事桑蓬何必窮愁泣粉梓

*Hồ Trường theo chữ Hán.*

*Nguồn: vietbao.vn*

\*\*\*

## I. Nguồn gốc *Lời ca Hồ Trường*

*Nam phương ca khúc* (NPCk) được đăng lần đầu tiên theo thiên ký sự *Hạn mạn du ký* (HMDK) của Nguyễn Bá Trác trên *Nam Phong tạp chí* phần chữ Hán số 30, trang 214 năm 1919.

HMDK trước tiên được viết bằng chữ Hán, đăng tải từ số 22 đến số 35 năm 1919, 1920; sau đó thiên ký sự này được chính tác giả dịch sang chữ Việt và đăng tải ở phần chữ Việt của *Nam Phong* từ số 38 đến số 43 năm 1920, 1921.

*Hạn mạn du ký* là thiên ký sự gồm 14 chương kể lại cuộc đồng du của tác giả trong khoảng 6 năm (1909 – 1914) từ Sài Gòn sang Xiêm La – Hương Cảng – Nhật – Trung Hoa – rồi về VN.

*Nam phương ca khúc* nằm ở chương 10: “Tại Thượng Hải gặp người đồng hương”. Vào khoảng năm 1912, khi lưu lạc ở Thượng Hải,

tác giả gặp một người đồng hương cùng chí hướng, người này có giọng hát hay (giọng Quảng Đông). Một đêm nọ, hai người đi uống rượu, “rượu ngà ngà, Nguyên quân đứng dậy mà hát” (lời *Nam phương ca khúc*), ở bàn bên cạnh, một võ quan họ Lưu, người Trục Lê, nghe điệu hát, sang hỏi là điệu gì, được trả lời: “Ấy là một điệu đặc biệt ở phương nam” (2), họ Lưu nói “nghe tiếng bi mà tráng, nhiều hơi khảng khái, nam phương mà có điệu hát đến thế ru?”. Sau đó họ Lưu xin người hát chép ra giấy lời ca ấy để giữ xem.

Về mặt văn bản mà xét, thì bài ca ấy không rõ tựa đề, không biết tác giả, Nguyễn Bá Trác chép lại toàn vẹn *Nam phương ca khúc*. Và khi *Hạn mạn du ký* được chuyển sang chữ Việt thì lời ca này đã được dịch rất thoát, tuy nhiên nó vẫn là “lời ca” minh họa cho văn cảnh ấy chứ không phải “bài thơ hồ trường” như nhiều người từng gọi.

Cũng vì vậy, trong bài viết này, người viết xin gọi theo cách cũ là “*Lời ca hồ trường*” (3).

*Hồ trường* so với *Nam phương ca khúc* có nhiều điểm khác biệt. Người dịch đã linh động nương theo âm điệu tiếng Việt và có

chỗ thêm tứ có chỗ bớt lời, khéo giữ được cái thần thái hào sảng của nguyên tác.

Hồi ấy *Hồ Trường* được dịch thẳng từ lời ca chữ Hán sang lời ca chữ Việt mà không có bản dịch nghĩa, nay thấy cần có nguồn tài liệu để dựa vào mà đính chính một số điểm khác biệt của *Hồ Trường*, nên tôi chụp lại nguyên tác hán văn *Nam phương ca khúc* từ *Nam Phong tạp chí*, đồng thời phiên âm dịch nghĩa để bạn đọc tham khảo.

\*\*\*

## II. *Nam phương ca khúc*

Phiên âm:

*Trượng phu sanh bất năng phi can chiết hạm  
vị thế phù cương thường  
Tiêu dao tứ hải, hồ vị hồ thử hương  
Hồi đầu nam vọng mạc vô cực hề, thiên vân  
nhất sắc đồ thương thương  
Lập công bất thành, học bất tựu, thiếu tráng  
hữu cơ thời hề, toạ thị bách niên thân thế khu  
âm dương  
Phủ chường cuồng ca vấn tư thế, mang mang  
thiên địa, an đắc tri nhất tri kỷ (4) hề, , thí lai  
đối chúc hữu dư thương.  
Dư thương trịch hướng đông minh thủy, đông  
minh chi thủy vạn đội khởi cuồng lan*

*Dư thương trịch hướng tây sơn vũ, tây sơn  
chi vũ nhất trận hà uông dương  
Dư thương trịch hướng bắc phong khí, bắc  
phong dương sa tẩu thạch phi thù phương  
Dư thương trịch hướng nam thiên vụ, vụ  
trung hữu nhân khai khẩu nhất ẩm cừ nhiên  
túy  
Thiên địa vũ trụ hôn tương vong, dư bất túy  
hĩ, dư hành dư chí  
Nam nhi tự cổ sự tang bồng, hà tất cùng sâu  
khấp phần tử*

*Dịch nghĩa:*

*Kẻ trượng phu sống mà không vạch gan, bẻ  
cột lo giếng mối cho đời  
Rong chơi bốn biển, quê hương ở nơi đâu?  
Quay đầu trông về nam, miệt mù vậy hi! Trời  
mây nổi màu xanh ngắt  
Lập công chẳng được, học không xong, trai  
trẻ có bao lâu, ngồi ngó trăm năm, thân đuổi  
cuộc sớm chiều.  
Vỗ tay hát khùng, hỏi đời kia, đất trời mờ mịt  
vậy, một người tri kỷ tìm ở đâu, thử đến giúp  
ta rót chén rượu này  
Ta quăng chén rượu đầy trộn nước biển  
đông, nước biển đông nổi cuộn vạn lớp sóng  
Ta quăng chén rượu đầy vào mưa núi tây,  
mưa núi tây một trận sao lênh láng  
Ta quăng chén rượu đầy đuổi theo gió bắc,*

*gió bắc tung cát lẫn đá bay nơi khác  
Ta quăng chén rượu đầy vào mây mù trời  
nam, trong mây mù có người há miệng điềm  
nhiên say tràn  
Trời đất dọc ngang đều mất hết, sao ta không  
say, chỉ ta thôi ta làm  
Từ xưa nam nhi đuổi theo tang bồng, có gì  
sùi sụt sâu cổ hương.*

Qua bản phiên âm và dịch nghĩa NPCK, chúng tôi thấy cần dừng lại lưu ý một đôi chỗ. Số là trong HMDK đăng tải trên Nam Phong – ở cả phần chữ Hán và chữ Việt – không có phần chú thích các từ khó hiểu thuộc về điển tích đã dùng trong NPCK và Hồ Trường, nay xin nói thêm về các điển ấy.

Ở câu đầu tiên có cụm từ “xé gan bẻ cột”. Trong NPCK ta thấy viết là Bẻ cột – chiết hạm. (Có nhiều người lầm viết là bẻ cột). Theo các từ điển thông dụng Trung Quốc thì điển tích “bẻ cột” xuất phát từ sách Hán Thư – truyện Chu vân: Thời Hán thành Đế, Hòe Lý Lệnh (một chức quan trong hàng Tam Công) là Chu Vân tâu với vua xin giết An Xương Hầu Trương Vũ, vua nổi giận sai chém Chu vân. Khi bị bắt lôi đi, Chu Vân uất ức bám tay vào vịn cột điện, cột cung điện bị gãy, nhưn lúc lộn xộn ấy, Tân Khánh Kỵ giải cứu Chu Vân. Sau đó Thành đế biết Chu Vân

xin giết Trương Vũ là vì lòng trung, bèn tha tội.

Khi sửa cung điện, Thành đế lệnh phải giữ nguyên dạng phân cột bị gãy, lấy hình ảnh đó mà biểu dương lời nói ngay thẳng của Chu Vân. Đời sau thường dùng từ “chiết hạm – bể cột” để chỉ hành vi dửng dưng trong việc dùng lời lẽ để can gián vua. Thôi Đồ trong bài thơ *Ký cữu* (gởi cậu) có câu “trí quân kỳ chiết hạm” (hết lòng vì vua mà bể gãy cột).

Chữ “*Thương*” ở cuối câu thứ năm (được lặp lại nhiều lần trong lời ca) có thể đọc là “trường” hay “tràng” mà Nguyễn Bá Trác đổi thành “Hồ trường”, từ một chữ “thương” biến thành hai chữ “hồ trường” rồi thành hẳn tên bài ca, kể cũng kỳ thú!

Thương có ba nghĩa:

1. Là cái chén uống rượu giống như cái tước, làm bằng sừng, “thương” là chén rót đầy rượu, khi chưa rót rượu vào thì gọi là “chí”.
2. Mời rượu người khác một cách kính trọng gọi là “thương”. Sách *Lã Thị Xuân Thu* – thiên *Đạt Úc* có câu “*Quản tử thương Hoàn Công*” (Quản Tử kính cẩn mời rượu Tề Hoàn Công).

3. Tự uống rượu một mình gọi là “thương”, Phạm Thành Đại trong bài “Túc tư khẩu thi văn nhạn” có câu “bá tửu bất năng thương” (nâng ly khó uống một mình).

Khi dịch nghĩa NPCK, chúng tôi dùng nghĩa “thương là chén rượu đầy”. Còn từ “hồ trường” trong lời ca *Hồ trường* là sự sáng tạo của dịch giả Nguyễn Bá Trác, chúng tôi không dám lạm bàn.

Chữ “phần tử” mà chúng ta thấy ở cuối bài NPCK là một từ chỉ quê hương (mà dịch giả Hồ trường đổi thành “cỏ cây”). Phần và tử là tên hai loại cây. Cây phần là một loại Du trắng nên còn gọi là “Phần du”.

Trong Hán thư – Giao tự chí, quyển thượng có ghi lại rằng: “Trong buổi lễ tế Giao, Hán Cao tổ có khấn mình là người ấp Phong, làng Phần du (làng có trồng cây phần du làm đặc trưng, sau thành tên làng), người đời sau lấy chữ Phần du để chỉ cố hương. Cây Tử tức là cây Thị, gỗ dùng để đóng đàn, khắc bản in... Quê cha đất tổ gọi là “tử lý” hay “tang tử”. Kinh thi có câu “duy tang dữ tử, tất cung kính chi” (cây do cha mẹ trồng, ắt phải cung kính vậy); Phạm Thành Đại có câu “thân tu tử lý cung” (cung kính quê nhà mà lo tu sửa thân); truyện Kiều có câu “có khi gốc tử đã vừa người ôm”. “Phần tử” là từ được ghép bởi

“Phân du” và “Tử lý” (hoặc “Tang tử”). Nguyễn Du viết: “Đoái thương muôn dặm tử phân; hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa” (Kiều).

Các chú thích vừa nêu có thể là dài dòng nhưng qua đó, phần nào bạn đọc có thể thấy những điểm khác biệt giữa NPCK và *Hồ Trường*, đồng thời có thể xác định bản *Hồ trường* nào đã theo đúng bản gốc.

\*\*\*

### III. *Lời thơ Hồ trường*

Nguyên bản trích từ Nam Phong tạp chí số 41 năm 1920. Trang 400 – 401 (giữ nguyên các lỗi sai so với chính tả ngày nay)

- 1. Trường phu không hay sé gan bẻ cột phù cương thường;*
- 2. Hà tất tiêu dao bốn bể, luân lạc tha hương*
- 3. Trời nam nghìn dặm thăm, mây nước một màu sương*
- 4. Học không thành, danh chẳng lập, trai trẻ bao lâu mà đầu bạc, trăm năm thân thể bóng tà dương.*
- 5. Vỡ tay mà hát, nghiêng đầu mà hỏi, trời đất mang mang, ai là tri kỷ lại đây cùng ta cạn một hồ trường.*
- 6. Hồ trường! Hồ trường! ta biết rót về đâu?*

7. Rót về đông phương, nước bể đông chảy  
xiết sinh cuồng lạn;
8. Rót về tây phương, mưa Tây sơn từng trận  
chứa chan
9. Rót về bắc phương, ngọn bắc phong vì vút,  
đá chạy cát dương;
10. Rót về nam phương, trời nam mù mịt, có  
người quá chén, như điên như cuồng
11. Nào ai tỉnh, nào ai say, chí ta ta biết, lòng  
ta hay
12. Nam nhi sự nghiệp ở hồ thi, hà tất cùng  
sầu đối cỏ cây.

Qua lời ca *Hồ trường* này, chúng ta thấy các bản in lại có nhiều chỗ khác biệt. Các điểm sai lệch quan trọng có thể kể:

Ở câu 1: vài bản in là bể cật (có lẽ do liên hệ gan – cật nên thành xé gan bể cật thay vì bể cật).

Ở câu 2: nhầm thành tha phương (nguyên bản là “tha hương”).

Ở câu 4: hầu hết các bản in lại đều là “thân thể” (nguyên bản là “thân thể”), tuy nhiên, ở đây có lẽ bản gốc Nam Phong sai vì trong NPCK chữ Hán dùng chữ “thân thể”.

Ở câu 5: vài bản in “vỗ gươm mà hát” (thay vì “vỗ tay”) và tiếp đó là “nghiêng bầu mà

hỏi” (thay vì “ngiênng đầu”). Ở câu 9 hầu hết các bản đều in “ngon bắc phong vi vút” (thay vì “vi vút”)...

Như đã nói, bài viết này chỉ dựa vào bản *Hạn mạn du ký* in lần đầu trên Nam Phong, người viết chưa được đọc bản in thành sách sau đó, cũng có khả năng tác giả HMDK có điều chỉnh đôi chỗ về ý hoặc về lỗi kỹ thuật, đồng thời bản dịch NPCK của chúng tôi nếu có lầm lẫn, xin bạn đọc điều chỉnh giúp cho.

\*\*\*

### *Chú thích:*

(1) Các bản được biết gồm: 1. Trong tập *Hạn mạn du ký* – Đông Kinh ấn quán – Hà Nội 1921 (tác giả in lại). 2. Phạm Thế Ngũ – *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* – Quốc học tùng thư – Sài Gòn – 1965 (bài ca Hồ Trường in ở trang 327 – tập 3). 3. Lãng Nhân – *Chơi chữ* – Nam Chi tùng thư – Sài Gòn – 1960 (in lời ca Hồ Trường theo một giai thoại, trang 94). 4. Đông Trình – (bài báo) – TS chủ nhật ngày 7-6-1998. 5. Vương Trùng Dương – Nguyễn Bá Trác và bài thơ Hồ Trường – vông trạm [www.xuquang.com](http://www.xuquang.com) - in lại bản của cháu ngoại tác giả công bố.

(2) Phương nam ở đây chỉ miền Lãn Nam – Trung Quốc.

(3) Người sau gọi Hồ Trường là trích lấy chữ trong lời ca mà gọi chứ không phải tựa đề do tác giả Hạn Mạn du ký đặt ra.

(4) Chữ KỶ này ở nguyên bản hán văn in nhầm là chữ Dĩ.

(5) Các chú thích ở phần dịch nghĩa Nam phương ca khúc được tổng hợp từ các sách Từ Hải, Từ Nguyên, Cổ Hán ngữ từ điển, Hình âm nghĩa tổng hợp đại tự điển.

\*\*\*

**Phụ đính:**

Bài Hồ trường

**Nguyễn Lý Tường**

**1. Nguyễn Bá Trác là ai**



Theo tài liệu của những người đồng hương với ông ở trong nước cung cấp:

Nguyễn Bá Trác, hiệu là Tiêu Đầu, sinh năm 1881 (Tân Tỵ), tại làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam), thi đỗ cử nhân khoa Bính Ngọ (1906) tại trường Thừa Thiên. Sau đó, ông theo phong trào Duy Tân và Đông Du do các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh khởi xướng, qua Tàu rồi qua Nhật. Ngày 10-07-1907, Pháp ký với Nhật một hiệp ước thương mại, cho Nhật vay 300 triệu quan Pháp và dành cho Nhật nhiều quyền lợi khác, v.v. để đổi lại, Nhật phải trục xuất các thanh niên VN theo phong trào Đông Du, hiện đang trọ học ở Nhật, phải về nước hoặc đi nơi khác. Cảnh Sát Nhật được lệnh lập danh sách học sinh VN và thông báo cho họ biết nước Nhật không muốn chứa chấp họ nữa.

Tất cả các nhà cách mạng VN như Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, cụ Phan Bội Châu, v.v. và các thanh niên VN đang ở Nhật đều bắt buộc phải ra đi, tìm đến một nước khác. Trước tình thế đó, đa số học sinh đều muốn trở về VN, Nguyễn Bá Trác cùng một số bạn bè chạy qua Trung Hoa, số khác chạy qua Thái Lan. Tâm trạng của thanh niên VN đi làm cách mạng trong thời gian này gặp bước thất bại, đa số bị bắt, bị tù, bị xử tử hoặc sống thiếu

thôn bệnh hoạn, cảm thấy hiện tại quá bấp bênh, vô vọng ...nên đa số muốn trở về VN. Nguyễn Bá Trác cũng ở trong hoàn cảnh đó.

Ở Trung Hoa được ít lâu, vì cùng đường, Nguyễn Bá Trác đã trở về Hà Nội tìm cách ra đầu thú với Pháp. Vốn biết ông là một thanh niên có tài, có học nên, vào khoảng 1916-1918, Pháp đã cho ông làm việc ở Phòng Báo Chí, Phủ Toàn Quyền Đông Dương và trao cho phụ trách một tờ báo bằng chữ Hán (tờ Cộng Thị báo). Mục đích của tờ báo này là kêu gọi thanh niên trí thức VN ra hợp tác với Pháp. Năm 1917, Nguyễn Bá Trác được Pháp đưa qua làm việc với Phạm Quỳnh, phụ trách phần chữ Hán của báo Nam Phong (do Phạm Quỳnh làm chủ bút). Khoảng 1922- 1932, ông vào làm Tham Tri Bộ Học ở Huế, (*có sách ghi là Tá Lý Bộ Học tức là Phụ Tá cũng như Tham Tri*) Trong thời gian này, ông đã biên soạn nhiều tác phẩm bằng Hán văn có giá trị như:

- Hoàng Việt Giáp Tý niên biểu (2 cuốn, tổng cộng 552 trang) xuất bản năm 1925 tại Huế. (*bản dịch do Bộ Giáo Dục VNCH Saigon, 1963*) nội dung ghi chép các biến cố quan trọng xảy ra trong lịch sử nước ta từ thời Hùng Vương về sau, có tham khảo nhiều tài liệu lịch sử của Trung Quốc, Nhật bản và

VN. Sách biên soạn rất công phu Sách này được biên soạn trong thời gian ông làm việc tại Bộ Học ở Huế (1923- 1925).

- Cổ học viện thư tịch thủ sách ( 11 cuốn) sách này do nhiều người cộng tác biên soạn, nội dung ghi chép và phân loại các sách vở, tài liệu trong thư viện của nhà vua tại Huế, nhiều tài liệu cổ rất giá trị.. Sách biên soạn xong năm 1924.

- Các bài biên khảo bằng Hán văn đăng trên tạp chí Nam Phong như : Hán học Văn học khảo (thơ, văn từ 1917- 1932), Hàn mạn du ký (1920) , Bàn về Hán học (1920), Bàn về học thuật nước Tàu (1918), Mấy lời chung cáo với các bạn nhà Nho (1921), Hương Giang mộng (1920), Ngã An Nam dân tộc Nam tiến chi lịch sử (1921), Nguyễn Bá Học tiên sinh chi lược sử cập kỳ di ngôn (1921) Lĩnh Nam dật sử nghi án (1921), Du thanh hòa ký (1921)...

Sau đó ông được thăng Tuần Phủ Quảng Ngãi rồi Tổng Đốc Thanh Hóa, Bình Định. Tháng 8- 1945, khi Việt Minh lên nắm chính quyền, ông bị bắt và bị xử bắn tại Quảng Ngãi

## 2. Nguyễn Bá Trác có phải là tác giả bài "Hồ Trường"?

Cho đến bây giờ, chúng tôi chưa tìm ra bài thơ "Hồ Trường" được chính thức đăng vào sách văn học trước 1945 hoặc trước 1975 tại VN. Thỉnh thoảng, chúng tôi cũng có nghe bạn bè ngâm hay đọc bài thơ này, hoặc đọc thấy trên báo, nhưng không biết rõ xuất xứ.

Người ta nói tác giả bài thơ này là Nguyễn Bá Trác.

Nhưng tôi hỏi các cụ nhà Nho ở Huế, trong đó có những vị là Thầy dạy của tôi, nhiều người biết ông Nguyễn Bá Trác, nhưng không ai nghe nói đến bài "Hồ Trường" này. Chính cụ Võ Như Nguyệt (*trưởng nam của cụ Võ Bá Hạp*), người biết nhiều chuyện xưa liên quan đến các bậc tiền bối cách mạng, mà cũng không biết gì về bài thơ này (Trong thư đề ngày 02 tháng 10 năm 2002, gửi cho người bạn ở Huntington Beach, California Cụ viết: "Bài thơ "Hồ Trường" và dinh Tổng đốc Thanh Hóa dưới thời ông Nguyễn Bá Trác, tôi chưa được nghe").

Về ông Nguyễn Bá Trác (Tổng Đốc Thanh Hóa) và cụ Võ Bá Hạp, ông Phạm Hải Hồ qua bài nhan đề "Vui Buồn Vùng Vịnh" viết: "Tôi xin kể một chuyện liên hệ đến một nhân

vật khoa bảng Hán học, một nhà cách mạng, một tác giả của bài thơ bất hủ còn phổ biến rộng rãi cho đến bây giờ được nhiều người biết và ca ngợi là quá hay. Nhân vật đó là ông Nguyễn Bá Trác, từng là nhà cách mạng bôn ba ở hải ngoại để mưu đồ đánh đuổi thực dân Pháp, giành Độc lập, Tự do cho dân tộc. Hình như ông là nhà cách mạng đồng thời với Phan Bội Châu. Ông Nguyễn Bá Trác là tác giả bài thơ Hồ Trường, chan chứa khí phách của một trượng phu, một chí sĩ yêu nước với tâm tư bi phẫn trước cảnh đất nước đang quần quại dưới gót giày sắt của bọn xâm lăng Pháp.

"Đại trượng phu nào ai xé gan bẻ cột. Phù cương thường hà tất tiêu dao bốn bể luân lạc tha phương..." "Vậy mà trong những giây phút yếu lòng nào đó, khiến cho nhà cách mạng Nguyễn Bá Trác đã về nước hàng phục xâm lăng Pháp và triều đình bù nhìn. Ông được bổ nhiệm làm chức Tham Tri rồi sau làm Tổng Đốc Thanh Hóa ( 2 chức vụ này tương đương nhau, nếu làm việc trong triều thì gọi là Tham Tri, làm việc ở ngoài triều thì gọi là Tổng Đốc).

"Trong thời gian làm Tổng Đốc Thanh Hóa, ông Nguyễn Bá Trác can thiệp, vận động với Pháp để Pháp dễ dãi, khoan hồng cho đồng chí cũ của mình là nhà cách mạng Võ Bá Hạp

bị Pháp bắt giam. Ông Võ Bá Hạp thường được đưa tới dinh Tổng Đốc Nguyễn Bá Trác để dọn dẹp lặt vặt, nhổ cỏ, quét dọn, vệ sinh. Mỗi khi thấy mặt quan Tổng Đốc, ông Võ lại mắng nhiếc thậm tệ như : anh là tên Việt gian, phản quốc, tay sai thực dân,v.v...

"Quan Tổng Đốc Trác nghe xong chỉ cúi đầu lảng đi, không nói năng gì cả. Một bữa ông Hạp được lệnh tha, Tổng Đốc Trác đưa xấp tiền biếu để ông Hạp về với gia đình. Nhưng ông Hạp từ chối, vừa cầm nắm tiền vút trả vừa buông lời xỉ vả quan Tổng Đốc một lần cuối:"Tôi không thềm nhận những đồng tiền dơ bẩn của anh". Tổng Đốc Trác vẫn im lặng. Sự im lặng này hàm chứa một ý nghĩa rõ ràng: Ông Nguyễn Bá Trác đã biết hối hận, biết si nhục, biết mình đã đi vào con đường sai lầm. Bỏ con đường phi nghĩa, tà đạo, phản bội lại quốc dân, để mưu cầu sự vinh thân, phì gia trong hoàn cảnh quê hương đang mắc vòng nô lệ ngoại xâm.

"Một thời gian sau, ông Nguyễn Bá Trác về hưu, sống ẩn dật trong nhà, không xuất hiện ngoài xã hội Đến năm 1945, VC lên cướp chính quyền, đã xử tử ngay Nguyễn Bá Trác, cũng như chúng đã xử tử Phạm Quỳnh, Cung Đình Vận, v.v...

\*\*\*

*Nguyễn Bá Trác có phải là tác giả bài  
“Hồ Trường”?*

**Mặc Lâm, RFA**

### **Bài thơ Hồ Trường trên Nam Phong tạp chí**

Thật ra bài thơ Hồ Trường xuất hiện trên Nam Phong tạp chí vào đầu thế kỷ 20. Bài thơ được nhiều thế hệ thuộc lòng vì nó ngắn và lời lẽ lại tha thiết bi tráng khó có bài nào trong văn học sử Việt Nam sánh bằng. Bài thơ này ai cũng cho rằng tác giả nó là Nguyễn Bá Trác vì khi in trên Nam Phong tạp chí không thấy ghi chú là được dịch từ một bài thơ của Trung Quốc. Mãi cho tới năm 1998 thì bài thơ mới được Đông Trình dẫn lời của Nguyễn Văn Xuân công bố là dịch từ một ca khúc của Trung Quốc.

Gần đây nhà nghiên cứu lịch sử Trung Quốc Phạm Hoàng Quân mới sưu lục được *tác phẩm gốc* đã được Nguyễn Bá Trác dịch thoát thành bài thơ bất hủ Hồ Trường

## “Hạn mạn du ký” bản gốc của bài Hồ trường

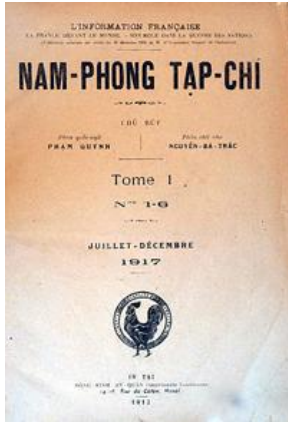
Nhà nghiên cứu Phạm Hoàng Quân cho biết nguyên nhân dẫn ông đến bài thơ bất hủ này:

- Đó cũng là một việc tình cờ trong lúc tôi làm cái tổng mục lục cho phần Hán văn của Nam Phong. Mặc dù trước đó mình có biết bài Hồ trường nhưng khi làm mục lục thì vô tình phát hiện bài “Hạn mạn du ký” bằng chữ Hán. Đọc lướt qua và khi dừng lại thì thấy có bài lời ca Hồ trường bằng chữ Hán ở đó. Khi gắn kết bài thơ lại tôi mới nhớ lại thì biết rằng đây là bản gốc của bài Hồ trường, bài mà ông Nguyễn Bá Trác dịch ra tiếng Việt. Bản dịch của ông Nguyễn Bá Trác dịch thẳng từ chữ Hán qua thẳng lời ca chữ Việt không có phiên âm thành ra nó hơi lạ một chút nhưng nội dung nó còn giữ được tinh thần của bản gốc. Từ đó tôi mới làm cái đối chiếu để cho rõ cái nguồn gốc thì một số anh em thấy vậy cũng hứng thú.

Sau đó tôi có viết lại một lần nữa bài viết cho nó đầy đủ hơn về nguồn gốc đó.

Nam Phong tạp chí là nơi ông Nguyễn Bá Trác từng làm chủ bút phần chữ Hán còn ông Phạm Quỳnh chủ bút phần tiếng Việt. Ông

Nguyễn Bá Trác làm chủ bút chữ Hán trong những năm đầu của Nam Phong nên ông ấy có đăng những công trình nghiên cứu hay du ký của ông ấy lên trên phân chữ Hán.



*Bìa Nam Phong Tạp chí số 1, xuất bản năm 1917. Wikipedia*

Có một số đã được dịch và đăng bên phần tiếng Việt còn một số vẫn còn ở bản chữ Hán cho đến hiện nay thì vẫn còn một số công trình của Nguyễn Bá Trác chưa được dịch ra tiếng Việt.

Theo nhà nghiên cứu Phạm Hoàng Quân thì cho đến nay, có ít nhất 5 bản in lời ca Hồ Trường mà các bản có nhiều chỗ không giống

nhau. Một trong năm bản ấy là Nam phương Ca khúc.

Hồ Trường so với Nam phương ca khúc có nhiều điểm khác biệt. Nguyễn Bá Trác đã linh động nương theo âm điệu tiếng Việt và có chỗ thêm tứ có chỗ bớt lời, khéo giữ được cái thần thái hào sảng của nguyên tác. Sau đây là bản dịch từ Nam phương ca khúc Phạm Hoàng Quân phiên âm

### **Bản dịch từ Nam phương ca**

Kẻ trượng phu sống mà không vạch gan, bẻ  
 cột lo giềng mối cho đời  
 Rong chơi bốn biển, quê hương ở nơi đâu?  
 Quay đầu trông về nam, miệt mù vậy hi! Trời  
 mây nổi màu xanh ngắt  
 Lập công chẳng được, học không xong, trai  
 trẻ có bao lâu, ngồi ngó trăm năm, thân  
 đuổi cuộc sớm chiều.  
 Vô tay hát khùng, hỏi đời kia, đất trời mờ mịt  
 vậy, một người tri kỷ tìm ở đâu, thử đến  
 giúp ta rót chén rượu này  
 Ta quăng chén rượu đầy trộn nước biển đông,  
 nước biển đông nổi cuộn vụn lớp sóng  
 Ta quăng chén rượu đầy vào mưa núi tây,  
 mưa núi tây một trận sao lênh láng  
 Ta quăng chén rượu đầy đuổi theo gió bắc,  
 gió bắc tung cát lẫn đá bay nơi khác

Ta quăng chén rượu đầy vào mây mù trời  
 nam, trong mây mù có người há miệng điềm  
 nhiên say tràn  
 Trời đất dọc ngang đều mất hết, sao ta không  
 say, chí ta thời ta làm  
 Từ xưa nam nhi đuổi theo tang bồng, có gì  
 sùi sụt sầu cổ hương.

### Chữ “thương” trong bài Hồ Trường



### Trang trong tờ Nam Phong Tạp chí

Theo nhà nghiên cứu Phạm Hoàng Quân thì điểm đặc biệt nhất của bài Hồ Trường là chữ “thương” ở cuối câu thứ 5 đã được lập lại nhiều lần trong lời ca.

Chữ này có thể đọc là “trường” hay “tràng” đều được. Nguyễn Bá Trác đã sáng tạo từ một chữ “thương” đơn giản thành chữ “Hồ trường” rồi thành hẳn một bài ca thì cũng là điều kỳ thú.

Thứ nhất, “thương” là cái chén uống rượu giống như cái tước, làm bằng sừng, “thương” là chén rót đầy rượu, khi chưa rót rượu vào thì gọi là “chí”;

Thứ hai, khi mời rượu người khác một cách kính trọng gọi là “thương”.

Thứ ba, khi tự uống rượu một mình cũng gọi là “thương”, Phạm Thành Đại trong bài “Túc tư khẩu thi văn nhận” có câu “bá tửu bất năng thương” có nghĩa là nâng ly khó uống một mình.

\*\*\*

*Bài thơ Hồ Trường và tác giả Nguyễn Bá Trác*  
*Trần Văn Giang*

Bài thơ được nhiều người biết nhưng lại không thuộc cả bài lẫn thân thể tác giả cùng lý do ra đời của nó. Hồ Trường được đăng đầu tiên trên tờ Nam Phong Tạp Chí rồi sau

đó đã được nhiều thế hệ thanh niên sao đi chép lại nên đã không tránh khỏi chuyện dị biệt.



Dưới đây là 4 bản Hồ Trường mà tác giả sao lục để quý bạn đọc so sánh.

1. Bản in trong trang 327, quyển Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên (NXB Anh Phương, Sài Gòn năm 1965) của giáo sư Phạm Thế Ngũ.

Trượng phu không hay xé gan bẻ cột phù  
cương thường,  
Hà tất tiêu dao bốn bể luân lạc tha phương.  
Trời Nam ngàn dặm thăm, mây nước một  
màu sương.  
Học chẳng thành công chẳng lập, trai trẻ bao  
lâu mà đầu bạc, trăm năm thân thể bóng tà

dương.

Vỗ tay mà hát, nghiêng bầu mà hỏi, trời đất mang mang, ai là tri kỷ, lại đây cùng ta cạn một hồ trường.

Hồ trường, hồ trường, ta biết rót về đâu?

Rót về Đông phương, nước bể Đông chảy xiết sinh cuồng lạn.

Rót về Tây phương, mưa Tây rơi từng trận chứa chạn

Rót về Bắc phương, ngọn Bắc phong vi vút đá chạy cát dương.

Rót về Nam phương, trời Nam mù mịt, có người quá chén như điên như cuồng.

Nào ai tỉnh nào ai say.

Chí ta ta biết lòng ta ta hay.

Nào ai tỉnh, nào ai say.

Chí ta ta biết lòng ta ta hay.

Nam nhi sự nghiệp ở hồ thì, hà tất cùng sầu đối cỏ cây.

2. Bản đăng trên báo *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* (trong nước) số... năm 1998.

Trượng phu không hay xé gan bẻ cật phù cương thường.

Hà tất tiêu dao bốn bể, xuân lạc tha hương.

Trời Nam nghìn dặm thăm, mây nước một màu sương.

Học không thành, công chẳng lập, trai trẻ bao lâu mà đầu bạc, trăm năm thân thể bóng tà

dương.

Vỗ tay mà hát, nghiêng đầu mà hỏi, trời đất mang mang ai là tri kỷ, lại đây cùng ta cạn một hồ trường.

Hồ trường! Hồ trường! Ta biết rót về đâu? Rót về Đông phương, nước biển Đông chảy xiết sinh cuồng loạn

Rót về Tây phương, mưa Tây sơn từng trận chứa chan

Rót về Bắc phương, ngọn Bắc phong vi vút đá chạy cát dương

Rót về Nam phương, trời Nam mù mịt có người quá chén như điên như cuồng

Nào ai tỉnh, nào ai say, chí ta ta biết, lòng ta at hay

Nam nhi sự nghiệp ở hồ thi, hà tất cùng sầu đối cỏ cây?

3. Bản in trong báo Thế Kỷ 21 (Hoa Kỳ), trang 8, số 115 ra tháng 11 năm 1998.

Trượng phu không hay xé gan bẻ cật phù cương thường,

Hà tất tiêu dao bốn bể, lưu lạc tha phương.

Trời Nam nghìn dặm thăm, non nước một màu sương

Chí chưa thành, danh chưa đạt, trai trẻ bao lăm mà đầu bạc, trăm năm thân thể bóng tà dương.

Vỗ gươm mà hát, nghiêng bầu mà hỏi, trời

đất mang mang ai người tri kỷ, lại đây cùng  
ta cạn một hồ trường.  
Hồ trường! Hồ trường! Ta biết rót về đâu?  
Rót về Đông phương, nước biển Đông chảy  
xiết sinh cuồng loạn.  
Rót về Tây phương, mưa phương Tây từng  
trận chứa chan.  
Rót về Bắc phương, ngọn Bắc phong vi vút  
đá chạy cát giương.  
Rót về Nam phương, trời Nam mù mịt có  
người quá chén như điên như cuồng.  
Nào ai tỉnh, nào ai say, chí ta ta biết, lòng ta  
ta hay  
Nam nhi sự nghiệp u hồ thi, hà tất cùng sầu  
đổi cỏ cây.

4. Bản in trong quyển *Chơi Chĩ*  
của tác giả Lãng Nhân-Phùng Tất Đắc,  
trang 75 (Sài Gòn-1970)



Trượng phu đã không hay xé gan bẻ cột phù  
cương thường,  
Sao lại tiêu dao bốn bể, luân lạc tha hương?  
Trời Nam nghìn dặm thăm; mây nước một  
màu sương.  
Học không thành, công chẳng lập, Trai trẻ  
bao lăm mà đầu bạc; trăm năm thân thể bóng  
tà dương.  
Vỗ gươm mà hát, nghiêng bầu mà hỏi: Trời  
đất mang mang, ai là tri kỷ? Lại đây cùng ta  
cạn một hồ trường.  
Hồ trường! Hồ trường! Ta biết rót về đâu?  
Rót về Đông phương, nước bể Đông chảy  
xiết sinh cuồng-lạn.  
Rót về Tây phương, mưa Tây-sơn từng trận  
chứa chan;  
Rót về Bắc phương, ngọn Bắc phong vi vút,  
đá chạy cát dương.  
Rót về Nam phương, trời Nam mù mịt, có  
người quá chén như điên như cuồng.  
Nào ai tỉnh, nào ai say?  
Chí ta ta biết lòng ta ta hay.  
Nào ai tỉnh, nào ai say?  
Chí ta ta biết lòng ta ta hay.  
Nam nhi sự nghiệp ở hồ thi, hà tất cùng sầu  
đổi cỏ cây!

## **Rượu Hồ Trường**



### **Lịch sử Hồ Trường:**

Hồ Trường được lấy theo tên của bài ca Hồ Trường của tuấn phủ Nguyễn Bá Trác:

*"Hồ Trường Hồ Trường  
Ta biết rót về đâu ... "*

### **Thành phần và công dụng:**

Hồ Trường là loại rượu thảo dược đặc biệt được làm từ 32 loại thảo dược khác nhau. Rượu sau khi được chưng cất sẽ ủ từ 3 đến 5 năm trong các hầm ủ tiêu chuẩn trước khi đưa ra đóng chai.

Hồ Trường là nậm rượu, bầu rượu hình dáng như trái bầu mà người xưa thường dùng nó để đựng rượu, bài thơ Hồ Trường có

câu “*ngiên bầu mà hỏi*”. Trong văn hóa Đông phương, điển hình như Trung Hoa, có nhiều loại cho đồ đựng rượu và uống rượu là nghệ thuật tạo hình trải dài qua mấy nghìn năm. Từ vật dụng đựng rượu có sẵn trong thiên nhiên như gỗ, tre, sừng, vỏ ốc, quả bầu (hồ lô) đến vật dụng được chế biến từ đất nung, sành sứ, kim loại, thủy tinh... theo tiến trình văn minh của con người sáng tạo ra nhiều loại khác nhau và mỗi loại lại có hình dáng riêng của nó.

Ngày nay, có nhiều thứ trở thành đồ cổ quý giá với lai lịch của nó hình thành trong mỗi triều đại. Hình ảnh bầu rượu được buộc dải lụa ở nước ta được thấy trên các mái đình, miếu, am và trên nóc Tháp Rùa ở Hà Nội, điện Thái Hòa, Thế Miếu, Ngọ Môn ở Huế... còn lưu lại hình ảnh này. Từ thời xa xưa, quả bầu được xem như biểu tượng thiêng liêng đựng nước thiêng rồi sau đó đựng thức uống rất quý là rượu. Hình ảnh “*bầu rượu túi thơ*” được minh họa qua nhân vật nổi danh như Lã Đổng Tân, Lý Thiết Quảng, Lý Bạch, Lưu Linh... trở thành quen thuộc qua nhiều thế kỷ ở Đông phương. Bìa thi phẩm *Mây của Vũ Hoàng Chương* do Tô Ngọc Vân vẽ bầu rượu đựng túi mây phiêu bồng mô tả tâm hồn thi nhân nơi trần gian.

Trong thi ca Trung Hoa và Việt Nam, có hàng trăm bài thơ đề cập đến rượu, có bài

nhắc đến tên rượu, có bài thể hiện ở nội dung... Nguyễn Bá Trác dùng vật dụng là tựa đề cho bài thơ, vừa hay về âm điệu vừa gợi hình ảnh đồ dùng của loại men nồng, trở thành nét đẹp trong nghệ thuật tạo hình. (trích đoạn Vương Trùng Dương)

TỬU ĐỒ - Suu Khảo của Ngộ Không Phí Ngọc Hùng, là tác phẩm thứ 86 trong Tủ Sách Điện Tử T.Vấn & Bạn Hữu. Bản điện tử được phát hành miễn phí trên hệ thống toàn cầu của trang mạng văn học

T.Vấn & Bạn Hữu  
(T-Van.Net).

